

NASCO 

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



THỰC CỰC THI ĐUA LẬP THÀNH TÍCH CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN

TRUNG TÂM B...

m Airlines
K CÔNG TI...

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

- Tầm nhìn Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát & Quá trình hình thành và phát triển Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và mô hình tổ chức kinh doanh
- Giới thiệu ban lãnh đạo
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro
- Vị thế của Công ty trong ngành

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình thực hiện, đầu tư các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2024
- Những nét nổi bật trong KQHĐSXKD của Cty 2024
- Tình hình hoạt động tài chính công ty 2024
- Kế hoạch hoạt động trong năm 2025

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

- Đánh giá chung của HĐQT về tình hình kinh tế, ngành
- Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Nhận xét, đánh giá chung của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty năm 2024 Các kế hoạch, định hướng của HĐQT trong năm 2025

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông Hoạt động của Ban lãnh đạo công ty

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Những tác động liên quan đến môi trường Những tác động liên quan đến cộng đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

A

PHẦN MỞ ĐẦU

- Tầm nhìn Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi



Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi



Tầm nhìn

Xây dựng và phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phi hàng không hàng đầu cho các Hãng hàng không nội địa, quốc tế và khách hàng tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, các sân bay trong nước và quốc tế nơi VietnamAirlines có chi nhánh căn cứ



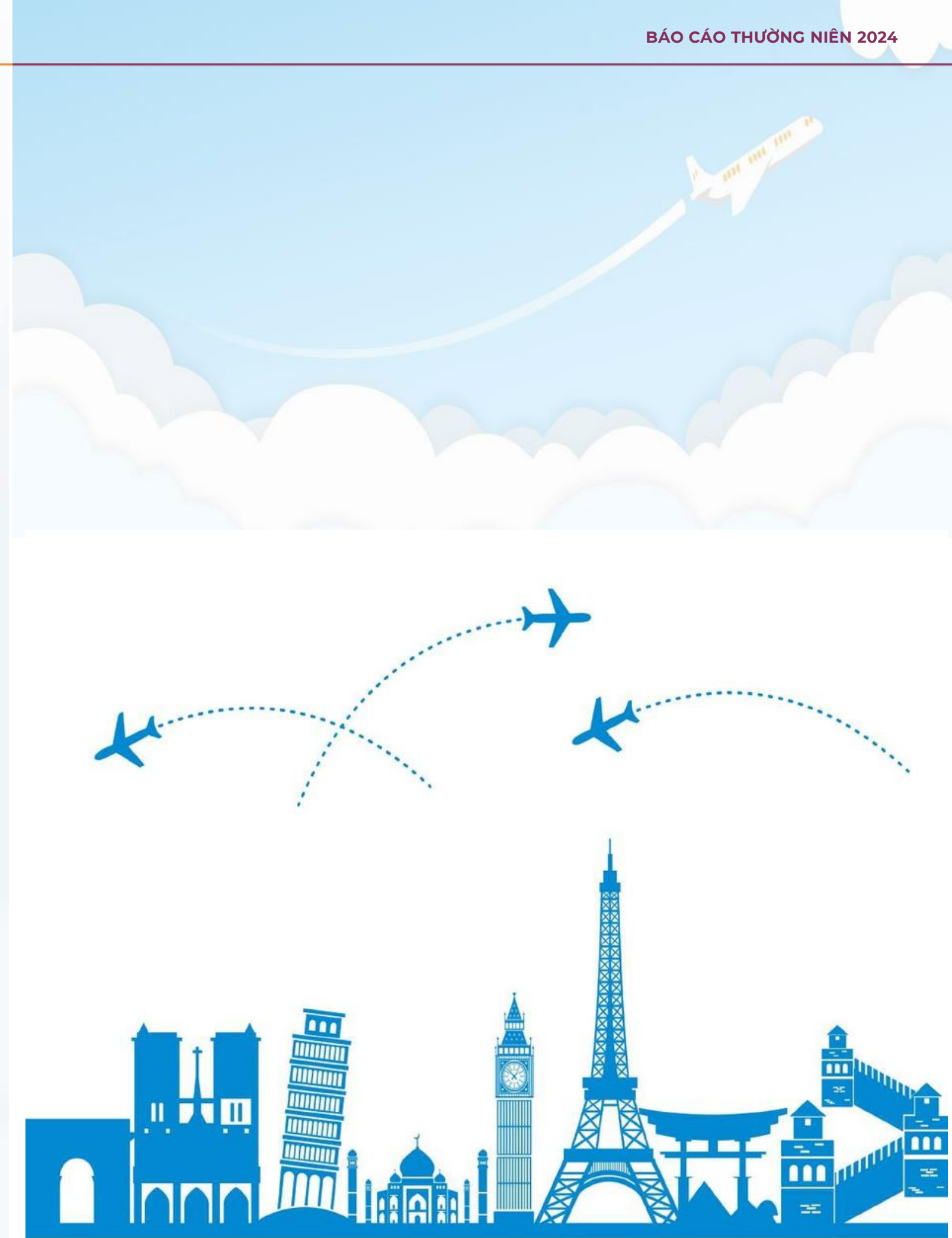
Sứ mệnh

Không ngừng đầu tư phát triển và sử dụng hợp lý các nguồn lực, đặc biệt là nguồn nhân lực; nguồn lực công nghệ. Thường xuyên cải tiến và phát huy hiệu lực, hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Đảm bảo thỏa mãn đầy đủ những yêu cầu và mong đợi của khách hàng và các bên quan tâm, tăng cường hợp tác với các đối tác kinh doanh trong Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, các sân bay trong nước và quốc tế nơi Vietnam Airlines có chi nhánh căn cứ.



Giá trị cốt lõi

- Tận tâm Chuyên nghiệp : Mục tiêu nâng tầm chất lượng dịch vụ và luôn hướng đến khách hàng sử dụng dịch vụ trên quan điểm Khách hàng chính là trung tâm, là động lực để công ty phát triển các sản phẩm – dịch vụ hoàn hảo nhất.
- Chất lượng: Luôn hành động vì lợi ích của khách hàng, của đối tác và thu nhập, phúc lợi xã hội của người lao động
- Hợp tác - Chia sẻ : NASCO luôn lắng nghe, sẵn sàng hợp tác, chia sẻ và tích cực hành động vì lợi ích của khách hàng, của đối tác và của người lao động. Đây là giá trị phong cách làm việc của NASCO
- Sáng tạo - Đa năng:
- Luôn thích nghi và nâng cao tính cạnh tranh để khẳng định, gia tăng thị phần và nâng cao vị thế của Doanh nghiệp







B

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát & Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và mô hình tổ chức kinh doanh
- Giới thiệu ban lãnh đạo
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro
- Vị thế của Công ty trong ngành



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

	Tên Công ty	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài
	Giấy phép ĐKKD	Số 0100108254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/04/2006 và thay đổi lần thứ 12 ngày 05/05/2023
	Vốn điều lệ	83.157.640.000 đồng
	Trụ sở chính	Sân Bay Quốc Tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội
	Điện thoại	(84.24) 3884 0085
	Fax	(84.24) 3886 5555
	Email	info@nasco.vn
	Website	http://www.nasco.com.vn
	Mã chứng khoán	NAS (Sàn giao dịch chứng khoán UPCOM)

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



01/01/1993 : Tiền thân của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài là doanh nghiệp Nhà nước mang tên Công ty Dịch vụ Cùm cảng Hàng không sân bay miền Bắc (tên giao dịch tiếng Anh là NORTHERN AIRPORT SERVICES COMPANY, viết tắt là NASCO) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động.



05/1995 : Công ty được đổi tên thành Công ty Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NOIBAI AIRPORT SERVICES COMPANY - NASCO), trở thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.



2005 : Theo quyết định số 3978/QĐ-BGTVT ngày 21/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, NASCO được cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (Tên giao dịch tiếng Anh là NOIBAI AIRPORT SERVICES JOINT STOCK COMPANY, viết tắt là NASCO).



07/06/2007: Trở thành Công ty đại chúng. Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 49.500.000.000 đồng thông qua phát hành chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.



07/2009 : Tăng vốn điều lệ lên 69.298.640.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu



10/2010 : Tăng vốn điều lệ lên 83.157.640.000 đồng thông qua phát hành chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.



2017 : 8.315.764 cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM với giá tham chiếu 28.000 đồng/ cổ phiếu.



2018 -->2025
 Công ty hợp tác kinh doanh dịch vụ với nhiều đối tác lớn như: Ngân hàng VPBank (năm 2018), ngân hàng SHB (năm 2020), thương hiệu Starbucks (năm 2018) và chính thức quản lý vận hành PK Bông sen của Vietnam Airlines tại Sân bay Phú Cát, Quy Nhơn, Bình Định (năm 2025)



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, chi tiết:

Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không:

- + Vận chuyển hành khách, hàng hóa trong sân đỗ máy bay;
- + Dịch vụ vận tải mặt đất; Dịch vụ vận chuyển hàng hoá;
- + Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế;
- + Kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập, quá cảnh;



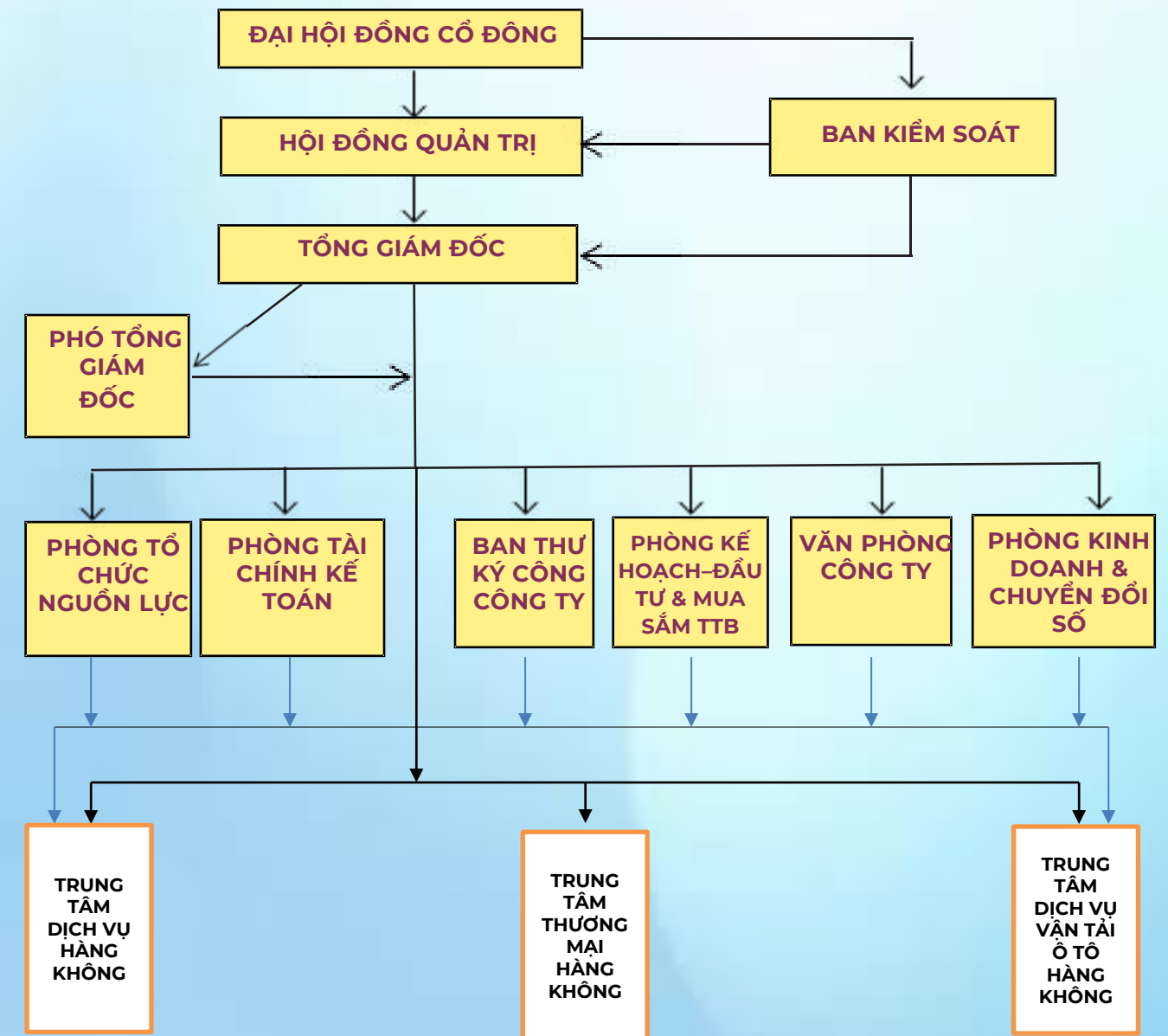
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hiện tại Công ty hoạt động chủ yếu tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài với các sản phẩm dịch vụ cung cấp, phục vụ như sau:

- + Dịch vụ Phục vụ khách hạng Thương gia, khách VIP/CIP cho Vietnam Airlines, các Hãng hàng không và các đối tác là các Ngân hàng, các Tập đoàn kinh tế tại Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài;
- + Dịch vụ thương mại, tổng hợp: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống, giải khát,.. phục vụ khách đi máy bay qua Cảng hàng không;
- + Dịch vụ vận tải ô tô: Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô trong sân đỗ máy bay, phục vụ người lao động của các đơn vị làm việc tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài và hành khách có nhu cầu khác.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CÁC BỘ PHẬN QUẢN LÝ

- Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

- Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề của Đại hội đồng cổ đông.

- Ban Tổng Giám đốc:

Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

- Ban Kiểm soát:

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.



CÁC BỘ PHẬN CHỨC NĂNG

- **Phòng Tổ chức nguồn lực:** Là cơ quan tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc về lĩnh vực tổ chức và phát triển nguồn nhân lực; quản trị hành chính doanh nghiệp; có chức năng nhiệm vụ:

- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, tổ chức hoạt động các đơn vị trực thuộc và công tác nhân sự của công ty;
- Lên kế hoạch tuyển dụng và phát triển nhân lực;
- Quản lý tài liệu, hồ sơ liên quan đến người lao động;
- Công tác lao động tiền lương, chế độ BHXH, BHYT, bảo hộ lao động;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

- Phòng Kinh doanh và Chuyển đổi số:

- Phát triển sản phẩm, dịch vụ và mở rộng thị trường kinh doanh;
- Tiếp thị, quảng cáo, quảng bá sản phẩm và dịch vụ, phát triển thương hiệu;
- Xây dựng, quản lý và giám sát các ngành nghề kinh doanh; thực hiện các vấn đề pháp lý doanh nghiệp và hợp đồng kinh tế của Công ty;
- Tham gia xây dựng, quản lý và giám sát định mức chi phí, giá sản phẩm - dịch vụ đầu vào, đầu ra các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- Lập và thực hiện các phương án tổ chức sản xuất kinh doanh, phương án hợp tác kinh doanh cho từng lĩnh vực sản phẩm, dịch vụ;
- Xây dựng và phát triển lĩnh vực công nghệ thông tin, hệ thống mạng, phần mềm, công nghệ chuyển đổi số;
- Xây dựng các quy định quản lý, quy trình thực hiện công việc, quy trình phối hợp liên quan nhiệm vụ của phòng;

- **Phòng Tài chính Kế toán:** Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực tài chính và kế toán; có chức năng nhiệm vụ:

- Công tác tài chính, kế toán;
- Công tác quản lý tài sản, nguồn vốn;
- Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ;
- Công tác quản lý chi phí và thu hồi công nợ;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

- Phòng Kế hoạch – Đầu tư & Mua sắm TTB:

- Xây dựng và thực hiện các chính sách mục tiêu chất lượng của Công ty;
- Lập kế hoạch và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư mua sắm trang thiết bị; tổ chức quản lý việc sử dụng đất đai, mặt bằng, cơ sở hạ tầng, tài sản hữu hình và vô hình;
- Hướng dẫn công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh; đầu tư mua sắm trang thiết bị, công cụ, dụng cụ nhỏ lẻ, nguyên nhiên, vật liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Xây dựng và quản lý hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá sản phẩm - dịch vụ đầu vào, đầu ra;...
- Xây dựng quy chế quản lý vốn đầu tư, quản lý vốn xây dựng cơ bản, quản lý việc mua sắm trang thiết bị, quản lý người đại diện vốn góp;...

- **Ban Thư ký Công ty:** là cơ quan giúp việc trực tiếp của Hội đồng quản trị, tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc tổ chức triệu tập họp ĐHCĐ, họp HĐQT và các nội dung công việc liên quan đến quản trị Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- Triển khai Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.....

- Văn phòng công ty:

Là cơ quan tham mưu giúp việc cho Ban chấp hành Đảng bộ Công ty, Tổng Giám đốc, Ban chấp hành công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty, có chức năng, nhiệm vụ:

- Thực hiện các nhiệm vụ về công tác Văn phòng;
- Thực hiện các nhiệm vụ về công tác đoàn thanh niên;...

MÔ HÌNH TỔ CHỨC KINH DOANH



Công ty con, công ty liên kết

Thông tin	Công ty con	Công ty liên kết
Tên công ty	Công ty cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO	Công ty Cổ phần taxi NASCO
Trụ sở chính	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội
Tỷ lệ lợi ích	49,12%	16%
Tỷ lệ biểu quyết	51%	36%
Tỷ lệ vốn góp thực tế	49,12%	16%
Hoạt động kinh doanh	Vận chuyển hàng hóa hàng không, dịch vụ kho bãi,...	Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô 05 chỗ, 16 chỗ



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ghi chú
1	Ông Lê Đức Cảnh	Thành viên HĐQT không điều hành	
2	Ông Trần Việt Phương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
3	Bà Hà Thị Thu Nga	Thành viên HĐQT không điều hành	
4	Ông Nguyễn Phú Thanh	Thành viên HĐQT không điều hành	Từ nhiệm từ ngày 6/6/2024
5	Ông Nguyễn Sỹ Thành	Thành viên HĐQT không điều hành	Được bầu làm thành viên HĐQT từ ngày 6/6/2024
5	Ông Vũ Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT không điều hành	

Ông Lê Đức Cảnh - Chủ tịch HĐQT

Họ tên	Lê Đức Cảnh
Giới tính	Nam
Năm sinh	1972
Trình độ học vấn	Thạc sỹ
Sở hữu cổ phiếu NAS	1.542.240 cổ phần, chiếm tỷ lệ 18,55%
Chức vụ khác	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty hàng không Việt Nam

Ông Trần Việt Phương - Thành viên HĐQT

Họ và tên:	Trần Việt Phương
Ngày sinh:	1974
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế, Cử nhân ngành Ngân hàng
Sở hữu đại diện	1.156.680 cổ phần, chiếm tỷ lệ 13,91%
Chức vụ khác	- Cán bộ QLV của TCT HKVN – CTCP - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giao nhận hàng hóa NASCO

Ông Vũ Ngọc Sơn - Thành viên HĐQT

Họ tên	Vũ Ngọc Sơn
Giới tính	Nam
Năm sinh	07/02/1960
Học vấn	Cử nhân hành chính, Cử nhân ngoại ngữ, Trung cấp Quản lý Khách sạn nhà hàng
Sở hữu cổ phiếu NAS	900.376 cổ phần, chiếm 10,83% vốn điều lệ
Chức vụ khác	Trợ lý Chủ tịch HĐQT – Tập đoàn Liên Thái Bình Dương (IPPGROUP)

Ông Nguyễn Phú Thanh - Thành viên HĐQT (Từ nhiệm từ 6/6/2024)

Họ và tên	Nguyễn Phú Thanh
Giới tính	Nam
Năm sinh	1972
Số cổ phần đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	771.120 cổ phần, chiếm 9,27% vốn điều lệ
Chức vụ khác	Phó chánh văn phòng - TCT Hàng không Việt Nam

Bà Hà Thị Thu Nga - Thành viên HĐQT

Họ và tên	Hà Thị Thu Nga
Năm sinh	1980
Trình độ học vấn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Số cổ phần đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	771.120 cổ phần, chiếm 9,27% vốn điều lệ
Chức vụ khác	Phó Trưởng Ban Dịch vụ hành khách Tổng Công ty Hàng không Việt Nam

Ông Nguyễn Sỹ Thành – Thành viên HĐQT (được bầu làm thành viên HĐQT từ 6/6/2024)

Họ và tên	Nguyễn Sỹ Thành
Giới tính	Nam
Năm sinh	1983
Số cổ phần đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	771.120 cổ phần, chiếm 9,27% vốn điều lệ
Chức vụ khác	Giám đốc Trung tâm Bông Sen vàng – Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2022
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban và được bầu lại từ 6/6/2024	0%
2	Ông Nguyễn Trường Thi	Thành viên và được miễn nhiệm từ 6/6/2024	0%
3	Ông Lê Hoàng Chính	Thành viên và được bầu lại từ 6/6/2024	0%
4	Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	Thành viên	1.848 cổ phần chiếm 0,02%

Ông Nguyễn Tiến Dũng - Trưởng Ban kiểm soát

Họ tên	Ông Nguyễn Tiến Dũng
Giới tính	Nam
Trình độ học vấn	Cử nhân Kinh tế
Sở hữu cổ phiếu NAS	0

Ông Lê Hoàng Chính - Thành viên Ban kiểm soát

Họ tên	Ông Lê Hoàng Chính
Giới tính	Nam
Trình độ học vấn	Cử nhân Luật, Kinh tế
Sở hữu cổ phiếu NAS	0

Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi - Thành viên Ban kiểm soát

Họ tên	Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi
Giới tính	Nữ
Trình độ học vấn	Cử nhân Tài chính - Kế toán
Sở hữu cổ phiếu NAS	1.848 cổ phần chiếm 0,02%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược kinh doanh:

- Tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng dịch vụ các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty như: Lĩnh vực kinh doanh phòng khách hạng thương gia, vận chuyển khách trong sân đỗ tàu bay;
- Tái cơ cấu lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh để nâng cao hiệu quả, tổ chức lại hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả theo hướng hợp tác kinh doanh hoặc xem xét thu hẹp quy mô để giảm lỗ;
- Tiếp tục tìm kiếm vị trí mặt bằng mới tại các Cảng Hàng không trong nước, mở rộng quy mô kinh doanh ra ngoài khu vực ngoài sân bay Quốc tế Nội Bài;
- Hoàn thành các dự án đầu tư trọng điểm đáp ứng nhu cầu SXKD, cải thiện tiền lương và thu nhập cho người lao động theo xu hướng tăng trưởng dân qua các năm.

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:

- Tiếp tục tái cấu trúc về tổ chức, sắp xếp, tối ưu hoá quy trình SXKD để phân công lao động, giảm các cấp trung gian, rút ngắn thời gian ra quyết định, phát huy năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của từng cá nhân, tổ chức;
- Đối với nguồn lực lao động trực tiếp: Căn cứ thực tiễn của thị trường để xây dựng và đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ hoạt động kinh doanh. Phát triển và sử dụng nguồn nhân lực hợp lý, linh hoạt, hiệu quả;
- Nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực ngoại ngữ cho cán bộ nhân viên, người lao động toàn công ty, xây dựng và phát triển thái độ phục vụ, tác phong làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả nhằm xây dựng thương hiệu NASCO uy tín và chuyên nghiệp.

Chiến lược đầu tư:

- Đầu tư cả chiều rộng và chiều sâu đảm bảo nguồn tài chính tăng trưởng bền vững và lành mạnh, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.
- Định hướng về đầu tư: Tập trung đầu tư các dự án cấp thiết, phục vụ phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi, mang lại hiệu quả cao: Dự án đầu tư các xe vận chuyển trong sân đỗ tàu bay (05 xe hạng Y và 03 xe hạng C); Dự án đầu tư phòng khách hạng Thương gia tại nhà ga T3 Tân Sơn Nhất và sân bay Quốc tế Đà Nẵng.
 - Định hướng về chính sách vốn
 - Sử dụng tối đa các nguồn vốn hiện có từ vốn đầu tư của chủ sở hữu, các nguồn quỹ và lợi nhuận để lại chưa phân phối; các nguồn vốn ngắn hạn từ các nhà cung cấp; quản lý tốt công nợ. Trong trường hợp cần thiết có thể huy động thêm nguồn vốn vay thương mại, xã hội hóa nguồn vốn đầu tư;
 - Tiếp tục triển khai kế hoạch tăng vốn đầu tư chủ sở hữu (vốn điều lệ) khi đảm bảo các yêu cầu theo quy định.

Chiến lược khoa học công nghệ:

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý kinh doanh;
- Tích cực ứng dụng công nghệ mới vào quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ nhằm giảm thời gian chờ đợi của khách hàng, nâng cao hình thức và chất lượng phục vụ.



CÁC RỦI RO

Rủi ro về pháp luật

Là công ty đại chúng, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác, ngoài ra Công ty còn chịu ảnh hưởng từ pháp luật của những nước là thị trường của Công ty. Trong khi đó Luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Rủi ro về kinh tế

Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều rủi ro đáng lo ngại. Bất ổn địa chính trị tiếp tục leo thang với xung đột Nga - Ukraine, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc và tình hình bất ổn tại Trung Đông, đặc biệt là Israel - Palestine, có thể làm giá dầu biến động mạnh. Trong khi đó, lãi suất cao do chính sách kiểm soát lạm phát của các ngân hàng trung ương như Fed và ECB làm gia tăng nguy cơ suy thoái tại các nền kinh tế lớn như Mỹ và EU...

Năm 2024, tăng trưởng kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều thách thức, nhưng vẫn duy trì ở mức ổn định nhờ sự phục hồi của một số nền kinh tế lớn. Theo dự báo của các tổ chức tài chính quốc tế, tăng trưởng GDP toàn cầu dao động quanh mức 2,5% - 3%, phản ánh sự suy giảm động lực tăng trưởng so với các năm trước. Mỹ và châu Âu tiếp tục chịu áp lực từ lãi suất cao, trong khi Trung Quốc gặp khó khăn do khủng hoảng bất động sản và suy giảm nhu cầu nội địa. Khu vực châu Á, đặc biệt là Ấn Độ và Đông Nam Á, vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt nhờ đầu tư vào sản xuất và tiêu dùng nội địa.

Năm 2024, kinh tế Việt Nam tăng trưởng 7,09%, vượt mục tiêu đề ra, với quy mô GDP ước đạt 476 tỷ USD và GDP bình quân đầu người khoảng 4.700 USD. Động lực chính đến từ xuất khẩu tăng mạnh (405,53 tỷ USD, +14,3%) và vốn đầu tư nước ngoài tăng 9,4% (25,35 tỷ USD). Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng 6,5%-7% cho năm 2025, hướng đến 8% trong tương lai, với trọng tâm là đầu tư công và thu hút FDI. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đối mặt với rủi ro từ biến đổi khí hậu và biến động kinh tế toàn cầu.

Những rủi ro kinh tế trên ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng cũng không nằm ngoài sự tác động trên;

Tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ là một trong những công cụ quan trọng để Công ty xây dựng các chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng, nhân sự, nguồn vốn trung và dài hạn. Chỉ số lạm phát cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào như giá xăng dầu, giá nhân công và ảnh hưởng đến những khách hàng của Công ty.

Rủi ro về lãi suất và tỷ giá

Năm 2024, Việt Nam duy trì lạm phát dưới 4%, lãi suất giảm nhẹ nhưng vẫn đối mặt với rủi ro từ tăng trưởng kinh tế cao có thể gây áp lực lạm phát. Tỷ giá VND có thể biến động do quyết định từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ và các yếu tố quốc tế. Ngân hàng Nhà nước cam kết duy trì chính sách linh hoạt để ổn định kinh tế vĩ mô. Rủi ro từ biến động giá dầu và hàng hóa cũng cần được giám sát chặt chẽ..

Công ty có các giao dịch hoạt động tiền gửi và tiền vay đối với các tổ chức tín dụng; trong nước. Khi có sự biến động tăng lãi suất, Công ty sẽ phải chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã ký kết. Tuy nhiên, rủi ro này đã được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp;

Công ty có mua hàng hóa từ các nhà cung cấp ngoài nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của Công ty có dòng tiền thu vào và chi ra bằng USD vì vậy khi tỷ giá hối đoái biến động làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến để lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro đặc thù

Năm 2024, ngành hàng không Việt Nam ghi nhận tổng sản lượng hành khách thông qua các cảng hàng không đạt 109 triệu khách, đạt 96% kế hoạch năm và tương đương 97% so với năm 2023. Trong đó, khách quốc tế đạt 41 triệu khách, tăng 26% so với năm 2023, trong khi khách nội địa đạt 68 triệu khách, giảm 15% so với năm trước. Tuy nhiên, số lượng chuyến bay trong năm 2024 giảm 11% so với năm 2023, với 306.000 chuyến bay, tương ứng 674.000 giờ bay, giảm 8% so với năm trước. Nhìn chung, năm 2024 đánh dấu sự phục hồi mạnh mẽ của ngành hàng không Việt Nam, đặc biệt là trong vận chuyển hành khách quốc tế, mặc dù vẫn còn một số thách thức trong việc tăng trưởng khách nội địa và số lượng chuyến bay.

Rủi ro khác

Có một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của nền kinh tế - xã hội nói chung, của Công ty nói riêng.



VỊ THẾ CÔNG TY

Điểm mạnh

- NASCO là doanh nghiệp uy tín trong việc cung cấp các dịch vụ tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài. - Công ty đã đạt được thị phần nhất định tại Cảng hàng không, cơ sở vật chất được đầu tư và khai thác có hiệu quả. - Doanh nghiệp có dịch vụ tốt, nhiều chính sách hỗ trợ, chuyên nghiệp và trách nhiệm với khách hàng. - Dịch vụ đóng gói hàng hóa, hành lý giúp khách hàng khắc phục các vấn đề kỹ thuật về hành lý, đảm bảo an toàn tài sản, phù hợp với yêu cầu của nhà vận chuyển hàng không. - NASCO là doanh nghiệp có uy tín tại Sân bay quốc tế Nội Bài trong lĩnh vực bảo dưỡng và sửa chữa các dòng xe ô tô từ 5 - 47 chỗ ngồi, xe tải nhẹ, xe đầu kéo và xe đặc chủng sàn thấp chở khách trong sân đỗ tàu bay



Điểm yếu

- Công ty phải triển khai đầu tư các điểm kinh doanh, chi phí đầu tư và chi phí thuê mặt bằng tăng cao. - Hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc phần lớn vào hoạt động của sân bay Nội Bài. Năm vừa qua, hoạt động sân bay Nội Bài bị gián đoạn, kéo theo gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.

Cơ hội

- Công ty nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, phối hợp của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam trong quá trình hoạt động kinh doanh. - Việt Nam là nước đang phát triển, Nhà nước đang định hướng cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ do đó càng nhiều khách thăm quan đến Việt Nam, vì vậy lưu lượng khách qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài tiếp tục tăng. - Hàng không Việt Nam đang đứng trước triển vọng phục hồi khi dự kiến lượng khách quốc tế đi/đến Việt Nam sẽ tăng mạnh trong giai đoạn tới và sớm khôi phục trở lại như giai đoạn trước dịch COVID-19. Các đường bay quốc tế nối tiếp nhau được khôi phục lại; mạng lưới đường bay nội địa đã gần như được khôi phục hoàn toàn.

Thách thức

- Thị phần bị chia sẻ: Một số loại hình kinh doanh trước đây có nhiều lợi thế như: bán hàng miễn thuế; lưu niệm, ăn uống giải khát tại khu vực sảnh công cộng, vận chuyển khách bằng sân đỗ máy bay sẽ chịu tác động bất lợi do vị trí kinh doanh. - Nhà ga T1 được quy hoạch lại là nguy cơ chia sẻ thị phần của NASCO và phát sinh chi phí đầu tư cải tạo các điểm kinh doanh tại Nhà ga T1. - Cảng hàng không quốc tế Nội Bài cổ phần hóa, NASCO có thêm nhiều đối thủ có tiềm lực tài chính đầu tư vào dịch vụ phi hàng không nhất là lĩnh vực kinh doanh miễn thuế, ăn nhanh giải khát. - Thách thức về yếu tố dịch bệnh: Dịch bệnh Covid-19 đã giáng một cú sốc mạnh vào nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng. Do Chính phủ áp dụng những biện pháp hạn chế đi lại để phòng chống dịch bệnh, chính sách này ảnh hưởng trực tiếp đến các dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách, dịch vụ ăn uống, mua sắm tại sân bay của Công ty.



Công ty luôn được xếp hạng doanh nghiệp loại A với sự tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, thu nộp ngân sách nhà nước, tạo được việc làm và thu nhập cao đối với người lao động. Trong ngành hàng không hiện nay, trên các lĩnh vực dịch vụ: - Dịch vụ vận chuyển khách sân đỗ tàu bay tại sân bay Nội Bài: Là doanh nghiệp hàng đầu trong vận chuyển bằng xe chở khách chuyên dụng. - Dịch vụ phòng khách thương gia: Là doanh nghiệp có phòng chờ thương gia nội địa xếp thứ 2 trong hệ thống phòng chờ liên minh Sky Team, phòng chờ quốc tế xếp hạng nhất tại sân bay Nội Bài. - Dịch vụ bán hàng miễn thuế: Là doanh nghiệp xếp hạng thứ 2 trong số 03 doanh nghiệp. - Dịch vụ bán hàng bách hóa và lưu niệm tại nhà ga hành khách T1 và T2: Là doanh nghiệp có tổng diện tích kinh doanh chiếm 36% tổng diện tích mặt bằng kinh doanh phi hàng không. - Dịch vụ nhà hàng ăn uống tại T1 chiếm 36% diện tích kinh doanh tại nhà ga T1. - Dịch vụ vận chuyển xe tuyến: Là doanh nghiệp hàng đầu chuyên chở toàn bộ công nhân viên các đơn vị thuộc tổng công ty HKVN tại Nội Bài và một số doanh nghiệp lớn không thuộc VN.



C

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình thực hiện, đầu tư các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2024, Công ty có sự thay đổi đối với vị trí Kế toán trưởng của Công ty. Theo đó, ông Võ Đức Hiếu miễn nhiệm vị trí Kế toán trưởng Công ty từ ngày 29/7/2024, bà Đỗ Thị Thu Hiền được giao phụ trách công tác kế toán của Công ty từ ngày 29/7/2024.

Nhân sự và chính sách nhân sự

Tính đến 31/12/2024, Công ty có 518 lao động ký Hợp đồng trực tiếp với Công ty:

STT	Tiêu chí	Số lượng năm 2023	Số lượng năm 2024	Tỷ trọng 2024
		(người)	(người)	(%)
I	Theo trình độ lao động			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	202	213	105
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên	61	69	105
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	186	186	100
4	Lao động phổ thông	45	50	111
II	Theo đối tượng lao động			
1	Lao động trực tiếp	335	331	99
2	Lao động gián tiếp	159	187	118
III	Theo giới tính			
1	Nam	234	249	106
2	Nữ	260	269	103
Tổng cộng		494	518	105



Chính sách lao động

Chính sách về lương, thưởng: - Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty được ban hành trên tinh thần đảm bảo công bằng, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực, nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm đối với công việc;

Chính sách về phúc lợi: - Ngoài tiền lương, thưởng, cán bộ công nhân viên tại NASCO còn được hưởng các khoản trợ cấp, phụ cấp khác tùy thuộc vào đặc thù công việc, vị trí công tác, năng lực của mỗi người (như phụ cấp điện thoại, xăng dầu, công tác phí,...).

- Thu nhập của người lao động tại Công ty là thu nhập theo tháng, dựa trên mức thu nhập Công ty trích, nộp các khoản kinh phí Công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, thuế Thu nhập cá nhân cho cán bộ, công nhân viên.

- Công tác chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên luôn được quan tâm. Hàng năm cán bộ, công nhân viên đều được khám sức khỏe định kỳ. Người lao động ốm dài ngày, mắc bệnh hiểm nghèo cũng được Công ty trợ cấp. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn quan tâm đến thân nhân, gia đình người lao động, thường xuyên có các hoạt động hỗ trợ những gia đình có người thân đau ốm, hiếu, hi,...



Chính sách thu hút đào tạo nguồn nhân lực: - Với môi trường làm việc chuyên nghiệp, chính sách đãi ngộ người lao động hợp lý, NASCO đã có được nguồn nhân lực có năng lực và kinh nghiệm. Bên cạnh đó, quá trình tuyển dụng, đào tạo của Công ty được xây dựng khoa học và linh hoạt. Việc tuyển dụng lao động của Công ty được thực hiện qua các phương tiện thông tin đại chúng, website Công ty.

Trong năm 2024, Công ty đã tổ chức tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ và quản lý cho cán bộ, công nhân viên và người lao động trong Công ty. Cụ thể:

- + Đào tạo chứng chỉ An Ninh Hàng không cho nhân viên làm việc tại Cảng HKQT Nội Bài;
- + Đào tạo chứng chỉ lái xe sân đỗ cho lái xe chở khách trong sân đỗ tàu bay;
- + Đào tạo chứng chỉ ATVSLĐ, chứng chỉ PCCC;
- + Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho chuyên viên, nhân viên làm công tác chuyên môn nghiệp vụ....

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thông tin ngành:

- Năm 2024, ngành hàng không Việt Nam ghi nhận tổng sản lượng hành khách thông qua các cảng hàng không đạt 109 triệu khách, đạt 96% kế hoạch năm và tương đương 97% so với năm 2023. Trong đó, khách quốc tế đạt 41 triệu khách, tăng 26% so với năm 2023, trong khi khách nội địa đạt 68 triệu khách, giảm 15% so với năm trước. Tuy nhiên, số lượng chuyến bay trong năm 2024 giảm 11% so với năm 2023, với 306.000 chuyến bay, tương ứng 674.000 giờ bay, giảm 8% so với năm trước. Nhìn chung, năm 2024 đánh dấu sự phục hồi mạnh mẽ của ngành hàng không Việt Nam, đặc biệt là trong vận chuyển hành khách quốc tế, mặc dù vẫn còn một số thách thức trong việc tăng trưởng khách nội địa và số lượng chuyến bay..

- Việt Nam hiện có 05 hãng hàng không nội địa đang khai thác 45 đường bay kết nối Hà Nội, TPHCM, Đà Nẵng tại 22 cảng hàng không địa phương khác với hơn 600 chuyến bay mỗi ngày. Bên cạnh việc khai thác các đường bay hiện hữu, trong năm 2024, các hãng hàng không Việt Nam cũng khai thác một số đường bay mới như Đà Nẵng – Đà Lạt, TP.HCM – Thanh Hóa, TP.HCM – Nha Trang,...

- Thống kê từ Cục Hàng không Việt Nam, trong 12 tháng của năm 2024 các hãng hàng không Việt Nam đã khai thác 306.000 chuyến bay, giảm 11% so với cùng kỳ năm 2023. Có 841 chuyến bay bị hủy (chiếm khoảng 0,4% tổng số chuyến bay), số chuyến bay bị chậm giờ là 54.563 chuyến bị chậm giờ cất cánh, chiếm khoảng 17,8% tổng số chuyến bay. Như vậy, số chuyến bay cất cánh đúng giờ (OTP) của toàn ngành hàng không trong năm qua đạt 251.437 chuyến bay, chiếm 74,2% tổng số chuyến bay



Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024



Cơ cấu doanh thu:

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	KH 2024	TH 2024	%TH 2024/KH 2024	%TH 2024/ TH 2023
1	Doanh thu	363,31	390,58	425,64	108,98%	117,16%
2	Lợi nhuận sau thuế	12,51	14,61	26,08	178,51%	208,47%

Năm 2024 là năm mà các lĩnh vực của Công ty có sự tăng trưởng theo mức tăng trưởng của thị trường trên cơ sở nguồn lực nội tại của Công ty.

Trong kỳ Công ty tái cơ cấu lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh theo hướng hợp tác kinh doanh đối với các lĩnh vực kém hiệu quả nhằm nâng cao hiệu quả chung;

Ban lãnh đạo, đội ngũ cán bộ và người lao động trong công ty đã nỗ lực tăng cường áp dụng các giải pháp nâng cao doanh thu, tiết giảm chi phí, sử dụng hợp lý các nguồn lực, kết quả SXKD năm 2024 Công ty đã có lợi nhuận sau thuế 26,08 tỷ đồng, tăng 208,5% so với năm 2023 (LNST năm 2023: 12,51 tỷ đồng);

Trong năm 2024 Công ty cũng đã tăng quỹ tiền lương 12,29 tỷ đồng so với kế hoạch (từ 83,11 tỷ đồng lên 95,39 tỷ đồng) nhằm cải thiện thu nhập cho người lao động sau trên nguyên tắc hài hòa với lợi ích của Doanh nghiệp và các Cổ đông.

So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

Tổng doanh thu năm 2024 là 425,64 tỷ đồng, đạt 108,98% kế hoạch năm, tăng 17,16% so với cùng kỳ 2023; Lợi nhuận sau thuế là 26,08 tỷ đồng, đạt 178,51% kế hoạch năm, tăng 108,47% so với cùng kỳ năm 2023.

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty CP Giao nhận hàng hóa NASCO

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	KH 2024	TH 2024	%TH 2024/KH 2024	%TH 2024/ TH 2023
1	Doanh thu	134,15	153,63	127,3	82,86%	94,89%
2	Lợi nhuận sau thuế	0,8	2,37	18,6	784,81%	2325,00%

- Trong năm 2024 hoạt động vận tải hàng không nội địa duy trì tần suất cao và ổn định, vận chuyển hàng không quốc tế phục hồi tích cực, tải vận chuyển hàng hóa được đáp ứng. Tuy nhiên thị phần của Công ty sụt giảm do tâm lý thắt chặt chi tiêu của khách hàng, lưu lượng hàng hoá giảm mạnh do nhiều đối thủ gia nhập thị trường, tải vận chuyển hàng không bị ảnh hưởng do số chuyến bay nội địa giảm, cùng với đó giá xăng, dầu duy trì ở mức cao dẫn đến tình hình SXKD năm 2024 của Nasco Logistics gặp nhiều khó khăn;
- Nhằm ứng phó với khó khăn nêu trên, Ban điều hành Công ty đã tích cực thực hiện các biện pháp tăng doanh thu và tiết giảm chi phí. Năm 2024 Công ty không đạt chỉ tiêu doanh thu đề ra nhưng vẫn đảm bảo lợi nhuận: 18,60 tỷ đồng (Bao gồm lợi nhuận từ cổ tức năm 2019 từ Công ty CP nhà ga quốc tế Cam Ranh (CRTC): 16,87 tỷ đồng).

Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	KH 2024	TH 2024	%TH 2024/KH 2024	%TH 2024/ TH 2023
1	Doanh thu	8,57	14,73	8,03	54,51%	93,70%
2	Lợi nhuận sau thuế	-0,27	0,01	-0,93		

- Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam là doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực vận chuyển hành khách tại Cảng HKQT Nội Bài bằng taxi và xe minibus. Trong những năm qua hoạt động SXKD của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do sự phát triển nhanh của các phương tiện cá nhân, sự cạnh tranh của nhiều doanh nghiệp trong ngành và của các hãng xe công nghệ;
- Do môi trường kinh doanh vận tải tại Nội Bài tiếp tục bị cạnh tranh quyết liệt, gay gắt với sự xuất hiện một số hãng xe mới có tiềm lực tài chính mạnh trong lĩnh vực Taxi nên số đầu xe kinh doanh của đơn vị không tăng trưởng như kỳ vọng và kế hoạch đã đề ra, chỉ duy trì ở mức thấp.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Giới thiệu Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ
Ban Tổng Giám đốc		
1	Ông Trần Việt Phương	Tổng Giám đốc
2	Ông Phan Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng		
1	Ông Võ Đức Hiếu	Miễn nhiệm ngày 29/7/2024
1	Bà Đỗ Thị Thu Hiền	Giao phụ trách công tác kế toán của Công ty từ ngày 29/7/2024

Ông Trần Việt Phương - Tổng Giám đốc:

Họ tên	Ông Trần Việt Phương
Giới tính	Nam
Năm sinh	13/12/1974
Trình độ học vấn	Thạc sỹ kinh tế, cử nhân ngành ngân hàng

Ông Phan Thanh Bình - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên	Ông Phan Thanh Bình
Giới tính	Nam
Năm sinh	11/11/1972
Trình độ học vấn	Cử nhân ngành kinh tế ngoại thương - ĐH Ngoại thương

Bà Đỗ Thị Thu Hiền - Phó Trưởng phòng Tài chính - Phụ trách công tác kế toán

Họ tên	Bà Đỗ Thị Thu Hiền
Giới tính	Nữ
Năm sinh	1974
Trình độ học vấn	Cử nhân kinh tế ngành Kế toán - Đại học Tài chính kế toán Hà Nội

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Giá trị khối lượng công việc hoàn thành trong kỳ: 19.203 triệu đồng, đạt 30% kế hoạch năm 2024;
- Giá trị giải ngân trong kỳ: 1.336 triệu đồng đạt 6 % kế hoạch năm 2024.
- Trong năm 2024 Công ty thực hiện giải ngân các dự án đầu tư trang thiết bị lẻ phục vụ nhu cầu SXKD của Công ty: Giá trị giải ngân năm 2024 đạt 1.336 triệu đồng.
- Một số dự án lớn đang triển khai năm 2024, chuyển tiếp sang năm 2025:
 - ❑ Đầu tư 05 xe sàn thấp hạng Y và 03 xe sàn thấp hạng C phục vụ vận chuyển khách trong sân đỗ máy bay.
 - ❑ Đầu tư phòng khách hạng Thương gia tại nhà ga T3 Tân Sơn Nhất và sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO (Công ty con)	Sân bay Quốc tế Nội Bài xã Phú Minh Huyện Sóc Sơn Thành phố Hà Nội	117.500.000.000	49,12%	Vận chuyển hàng hóa
Công ty Cổ phần Taxi NASCO (Công ty liên kết)	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	8.000.000.000	16%	Vận tải hành khách

Tình hình hoạt động tại công ty con, công ty liên kết

Công ty con: Công ty CP Giao nhận hàng hóa NASCO

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	KH 2024	TH 2024	%TH 2024/KH 2024	%TH 2024/TH 2023
1	Doanh thu	134	154	127	82,86%	94,89%
2	Lợi nhuận sau thuế	0,8	2,37	18,6	784,81%	2325,00%

Công ty liên kết: Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	KH 2024	TH 2024	%TH 2024/KH 2024	%TH 2024/TH 2023
1	Doanh thu	8,57	14,7	8,03	54,51%	93,70%
2	Lợi nhuận sau thuế	-0,27	0,01	-0,93		

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	294.035,60	297.570,80	3.535,20
Doanh thu thuần	481.548,90	524.898,60	43.349,70
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.679,20	35.559,50	22.880,30
Lợi nhuận khác	238,7	-16	-254,7
Lợi nhuận trước thuế	12.917,90	35.543,50	22.625,60
Lợi nhuận sau thuế	12.987,90	37.340,60	24.352,80
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1.513	3353	1.840

➢ Đánh giá:

•Khả năng thanh toán:

Tổng quan năm 2024, chỉ số thanh toán của công ty có sự biến đổi so với năm 2023 cụ thể chỉ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,85 lên 1,07 lần và hệ số thanh toán nhanh từ 0,68 lần lên 0,83 lần, mức nợ dài hạn của công ty năm nay được ghi nhận giảm 37,75% so với cùng kỳ nguyên nhân do trong năm Công ty trả các khoản vay dài hạn.

➢ Cơ cấu vốn:

Năm 2024, hệ số nợ/ Tổng tài sản của công ty giảm từ 76,12% xuống 63,86%; hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu giảm từ 318,84% xuống 176,70%. Điều này cho thấy cơ cấu tài chính năm nay của NAS phục hồi dần dần. Tổng nợ của công ty giảm 15,10%, vốn chủ sở hữu của công ty tăng 53,19% so với cùng kỳ năm 2023.

➢ Năng lực hoạt động:

Năm 2024, vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,63 lên 1,76 vòng cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của công ty được cải thiện tốt hơn so với năm trước. Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho giảm đi 8,34 vòng năm 2023 so với mức 6,99 vòng năm 2024.

➢ Khả năng sinh lời:

Các chỉ số ROS, ROA, ROE đều tăng so với năm trước, cho thấy hiệu quả trên vốn chủ sở hữu của NAS tăng lên, hiệu quả đồng vốn của cổ đông đầu tư có hiệu quả.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSNH/NNH	0,85	1,07
Hệ số thanh toán nhanh = (TSNH-HTK)/NNH	0,66	0,83
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,76	0,64
Hệ số Nợ/VCSH	3,19	1,77
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	8,34	6,99
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	1,63	1,76
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần (ROS)	0,03	0,071
Hệ số LNST/Vốn CSH (ROE)	0,18	0,035
Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA)	0,04	0,125
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,03	0,068

Đánh giá:

➤ Khả năng thanh toán:

Tổng quan năm 2024, chỉ số thanh toán của công ty có sự biến đổi so với năm 2023 cụ thể chỉ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,85 lên 1,07 lần và hệ số thanh toán nhanh từ 0,68 lần lên 0,83 lần, mức nợ dài hạn của công ty năm nay được ghi nhận giảm 37,75% so với cùng kỳ nguyên nhân do trong năm Công ty trả các khoản vay dài hạn.

➤ Cơ cấu vốn:

Năm 2024, hệ số nợ/ Tổng tài sản của công ty giảm từ 76,12% xuống 63,86%; hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu giảm từ 318,84% xuống 176,70%. Điều này cho thấy cơ cấu tài chính năm nay của NAS phục hồi dần dần. Tổng nợ của công ty giảm 15,10%, vốn chủ sở hữu của công ty tăng 53,19% so với cùng kỳ năm 2023.

➤ Năng lực hoạt động:

Năm 2024, vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,63 lên 1,76 vòng cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của công ty được cải thiện tốt hơn so với năm trước. Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho giảm đi 8,34 vòng năm 2023 so với mức 6,99 vòng năm 2024.

➤ Khả năng sinh lời:

Các chỉ số ROS, ROA, ROE đều tăng so với năm trước, cho thấy hiệu quả trên vốn chủ sở hữu của NAS tăng lên, hiệu quả đồng vốn của cổ đông đầu tư có hiệu quả.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cơ cấu cổ đông

Phân loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn	5.824.216	70,04
Cổ đông nhỏ	2.491.548	29,96
Tổng	8.315.764	100
Cổ đông cá nhân	2.491.548	29,96
Cổ đông tổ chức	5.824.216	70,04
Tổng	8.315.764	100
Cổ đông trong nước	8.245.934	99,16
Cổ đông nước ngoài	69.830	0,84
Tổng	8.315.764	100

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Phân loại cổ đông		Số CMND	Ngày cấp	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ CP năm giữ (%)
		Cổ đông nhà nước	Cổ đông lớn				
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP		X	0100107518	01-01-21	4.241.160	51
2	Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu		X	0309300048	14-09-22	900.376	10,83
3	Công ty cổ phần tập đoàn Taseco		X	0101619879	18-12-20	682.680	8,21

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2024: không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm

D

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2024
- Những nét nổi bật trong KQHĐSXKD của Cty 2024
- Tình hình hoạt động tài chính công ty 2024
- Kế hoạch hoạt động trong năm 2025



Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2024

Bối cảnh chung

- Năm 2024, ngành hàng không Việt Nam ghi nhận tổng sản lượng hành khách thông qua các cảng hàng không đạt 109 triệu khách, đạt 96% kế hoạch năm và tương đương 97% so với năm 2023. Trong đó, khách quốc tế đạt 41 triệu khách, tăng 26% so với năm 2023, trong khi khách nội địa đạt 68 triệu khách, giảm 15% so với năm trước.

- Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều rủi ro đáng lo ngại do bất ổn địa chính trị tiếp tục leo thang với căng thẳng thương mại Mỹ-Trung Quốc và xung đột quân sự tại nhiều khu vực trên thế giới.



- Một số chi phí đầu vào tăng, nhất là chi phí liên quan đến mặt bằng kinh doanh tại Cảng HKQT Nội Bài (Tăng 30 tỷ đồng so với đơn giá trước đây) tiếp tục làm giảm hiệu quả SXKD của Công ty;

- Môi trường kinh doanh tại NIA có sự cạnh tranh mạnh từ nhiều đối thủ cùng lĩnh vực kinh doanh, trong đó có những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty như phòng khách hạng Thương gia và Bán hàng miễn thuế.

Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty



Các yếu tố tích cực:

- Sản lượng ngành Hàng không năm 2024 tăng so với năm 2023, tương ứng sản lượng một số lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty cũng có sự tăng trưởng đóng góp vào doanh thu năm 2024
- Các lĩnh vực đã hợp tác kinh doanh của Công ty hoạt động ổn định, góp phần vào doanh thu, hiệu quả của Công ty.
- Hạ tầng ngành hàng không đang ngày càng phát triển, đây là điều kiện thuận lợi để Công ty mở rộng thị trường kinh doanh, năm 2024 Công ty đã triển khai kinh doanh tại sân bay Phú Quốc và sân bay Phù Cát (Quy Nhơn).



Các yếu tố tiêu cực:

- Tình hình bất ổn tại Trung Đông giữa Israel – Palestin và xung đột Nga-Ukraine dẫn đến sản lượng khách hãng hàng không quốc tế của Công ty chưa phục hồi hoàn toàn so với năm 2019.
- Chi phí mặt bằng kinh doanh tại Cảng HKQT Nội Bài tăng cao so với trước năm 2023 (Tăng khoảng 30 tỷ đồng).



Những nét nổi bật trong KQHĐSXKD của Công ty năm 2024

Chỉ tiêu kết quả SXKD chủ yếu trong năm 2024

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2024	TH năm 2024	So sánh KH năm 2024	Tăng trưởng 2024/2023
		Tỷ đồng	Tỷ đồng	%	%
1	Giá trị SXKD	390,58	425,64	108,98%	117,16%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	376,21	415,84	110,53%	119,38%
3	Lợi nhuận sau thuế	14,61	26,08	178,51%	208,47%
4	Cổ tức	0	0		

Những tiến bộ Công ty đã đạt được trong năm 2024 so với năm 2023:

- Về cơ cấu tổ chức:

- Cơ cấu quản lý, công tác tổ chức và quản trị nguồn lực của Công ty đã ổn định. Các phòng ban chức năng được chuyên biệt hóa, nâng cao vai trò tham mưu trong công tác quản trị điều hành của Công ty. Các bộ phận kinh doanh trực tiếp được cơ cấu gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả vừa giảm chi phí quản lý, chi phí nhân công vừa tăng được doanh thu, lợi nhuận;
- Công ty đã áp dụng linh hoạt nhiều giải pháp về lao động, tiền lương phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty và người lao động;
- Tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho NLD, chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng nâng cao tính cạnh tranh của Công ty.

- Về công tác quản lý:

- Mở rộng, phát triển lĩnh vực kinh doanh các phòng khách hàng Thương gia tại nhiều sân bay trong nước: Trước mắt SBQT Đà Nẵng, nhà ga T3 Tân Sơn Nhất; Chuẩn bị nguồn lực để triển khai đầu tư tại Phòng khách hàng Thương gia tại T2 mở rộng Nội Bài; sân bay Long Thành;
- Tập trung mở rộng chuỗi dịch vụ đồng bộ cung ứng cho các Hãng HK khác tại các Cảng HK trong nước gồm: Phòng khách hàng Thương gia và vận chuyển khách trong sân đỗ.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý điều hành doanh nghiệp;
- Tăng cường công tác truyền thông và thực hiện tốt công tác bán sản phẩm dịch vụ thông qua thương mại điện tử, nền tảng mạng xã hội...để tăng doanh thu, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thu nhập cho người lao động.

Nguyên nhân của việc đạt/ không đạt kế hoạch

- Năm 2024 Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra và tăng cao so với năm 2023 tại các chỉ tiêu SXKD chínhK: Doanh thu năm 2024 đã tăng 17,2% so với năm 2023, LNST đạt 26,08 tỷ, tăng 13,57 tỷ so với cùng kỳ 2023.
- Trong năm 2024, bên cạnh việc duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ các lĩnh vực kinh doanh hiện có, Công ty đã triển khai mở rộng thị trường ra ngoài thị trường truyền thống Cảng HKQT Nội Bài thông qua: Hợp tác với Starbuck kinh doanh tại sân bay Phú Quốc; Kinh doanh dịch vụ phòng khách hạng Thương gia tại Cảng hàng không Phù Cát, Quy Nhơn.
- Quỹ tiền lương của Công ty đã tăng lên góp phần cải thiện thu nhập cho người lao động sau nhiều năm chịu ảnh hưởng của dịch bệnh;



Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2024



Tình hình tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%Tăng giảm 2024/2023	Tỷ trọng 2023	Tỷ trọng 2024
Tài sản ngắn hạn	142.808	165.414	15,83	48,57	55,59
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.455	44.819	5,57	14,47	15,06
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.900	22.738	76,27	4,39	7,64
Các khoản phải thu ngắn hạn	54.027	60.034	11,12	18,37	20,17
Hàng tồn kho	32.706	36.819	12,57	11,12	12,37
Tài sản ngắn hạn khác	720	1.004	39,35	0,24	0,34
Tài sản dài hạn	151.227	132.157	-12,61	51,43	44,41
Các khoản phải thu dài hạn	1.313	1.346	2,54	0,45	0,45
Tài sản cố định	127.971	110.510	-13,64	43,52	37,14
Bất động sản đầu tư	10.731	10.004	-6,78	3,65	3,36
Tài sản dở dang dài hạn	450	450	0	0,15	0,15
Đầu tư tài chính dài hạn	6.893	6.745	-2,15	2,34	2,27
Tài sản dài hạn khác	3.868	3.102	-19,81	1,32	1,04
Tổng tài sản	294.036	297.571	1,2	100	100

Tổng giá trị tài sản năm 2024 của Công ty là 297.571 triệu đồng tăng 1,2 % so với năm 2023, cơ cấu tổng tài sản có sự thay đổi chiếm tỷ trọng tương đương giữa tài sản ngắn hạn và dài hạn tài sản dài hạn (44,41 % cơ cấu tài sản), giảm 12,61 % so với cùng kỳ. Trong đó tài sản cố định chiếm 37,14% cơ cấu tổng tài sản, giảm 13,64% so với cùng kỳ năm trước. Tài sản ngắn hạn của NAS chiếm tỷ trọng 55,59% cơ cấu tổng tài sản, tăng 15,83% so với năm vừa qua. Trong đó, đóng góp chính vào tài sản ngắn hạn là khoản phải thu ngắn hạn, tỷ trọng chiếm 20,17%.



Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%Tăng giảm 2024/2023	Tỷ trọng 2023	Tỷ trọng 2024
Nợ ngắn hạn	167.683	155.076	-7,52	74,91	81,61
Phải trả người bán ngắn hạn	51.083	54.161	6,02	22,82	27,5
Phải trả người lao động	21.792	25.508	17,05	9,74	13,42
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.268	3.835	17,32	1,46	2,02
Phải trả ngắn hạn khác	25.995	29.039	11,71	11,61	15,28
Vay ngắn hạn	63.422	40.686	-35,85	28,33	21,41
Quỹ khen thưởng,phúc lợi	468	179	-61,86	0,21	0,09
Nợ dài hạn	56.151	34.953	-37,75	25,09	18,39
Phải trả dài hạn khác	6.674	7.828	17,28	2,98	4,12
Vay dài hạn	40.516	19.962	-50,73	18,1	10,5
Tổng nợ phải trả	223.834	190.028	-15,1	100	100

Tổng nợ phải trả của Công ty giảm mạnh so với những năm trước, từ 223.834 triệu đồng năm 2023 xuống 190.028 triệu đồng trong năm 2024. Khoản vay ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu nợ ngắn hạn, chiếm 21,41% giảm 35,85% so với cùng kỳ. Nợ dài hạn năm 2024 chiếm 18,39% cơ cấu tổng nợ phải trả, giảm 37,75% so với năm 2023.

Kế hoạch hoạt động trong năm 2025

Chỉ tiêu kế hoạch định hướng năm 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025
I	Kết quả kinh doanh Công ty mẹ			
1	Tổng doanh thu	Trđ	425.636	449.314
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Trđ	26.082	20.256
3	KH Đầu tư xây dựng cơ bản	Trđ	1.336	127.154
II	Chỉ tiêu hợp nhất			
1	Tổng DT và thu nhập khác hợp nhất	Trđ	552.580	595.917
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Trđ	35.544	21.322



Đánh giá các mảng hoạt động kinh doanh chính của Công ty và Kế hoạch phát triển trong giai đoạn tới (1-5 năm)

Năm 2025 dự báo thị trường hàng không khởi sắc, hoạt động SXKD của Công ty trong cũng có thể còn có khó khăn và nhiều thử thách do những bất ổn chính trị tại nhiều khu vực trên thế giới và mức độ cạnh tranh đối với lĩnh vực dịch vụ phi hàng không ngày càng tăng, áp lực từ chi phí đầu vào, chi phí mặt bằng kinh doanh tăng cao... Tuy nhiên, lĩnh vực kinh doanh của Công ty và phương thức đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty là khả quan. Cần tiếp tục cải thiện hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả cũng như chất lượng cung cấp dịch vụ. Công ty đảm bảo cân đối các nguồn tiền phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, trả lương cho người lao động, trả các khoản lãi vay ngân hàng, quản lý tốt các khoản công nợ không phát sinh thêm các công nợ khó đòi.



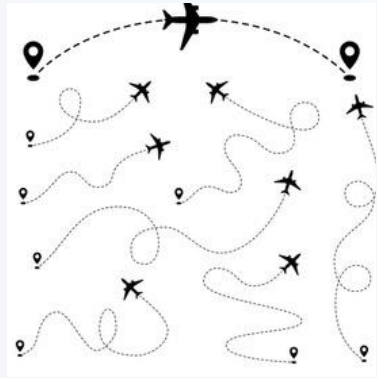
E

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá chung của HĐQT về tình hình kinh tế, ngành
- Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Nhận xét, đánh giá chung của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2024
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT trong năm 2025



Đánh giá của HĐQT về tình các mặt kinh doanh của công ty



Năm 2024 tình hình SXKD của Công ty đã được cải thiện do thị trường Hàng không quốc tế tăng trưởng mạnh, mặc dù thị trường nội địa có sự chững lại, tuy nhiên Công ty đã chủ động, tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp tăng doanh thu ngoài VNA, tiết giảm các chi phí để năm 2024 hoàn thành vượt mức doanh thu và lợi nhuận trước thuế so với kế hoạch;

Chi phí đầu vào có biến động lớn ảnh hưởng đến hiệu quả lĩnh vực kinh doanh của Công ty như: Chi phí liên quan đến mặt bằng kinh doanh tại Cảng HKQT Nội Bài tăng mạnh (tăng 30 tỷ đồng so với đơn giá trước đây do năm 2024 ACV áp dụng phương thức giá thuê mặt bằng theo phương thức hợp tác kinh doanh, phân chia lợi ích); Chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh...



HĐQT đã tích cực triển khai, phối hợp và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ và tổ chức hoạt động SXKD hiệu quả. Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ, công nhân viên trong Công ty luôn đoàn kết, đồng lòng, quyết tâm vượt qua khó khăn. Bằng các biện pháp điều hành linh hoạt trong việc tăng cường thực hiện các giải pháp tăng doanh thu, mở rộng thị trường phục vụ kinh doanh đối với dịch vụ cốt lõi, tiết giảm chi phí, bố trí, sử dụng hợp lý nguồn nhân lực, quản lý chặt chẽ các khoản đầu tư RNDN...góp phần giảm thiểu ảnh hưởng tới chỉ tiêu kết quả SXKD của Công ty, đảm bảo an toàn trong kinh doanh, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD được giao, đời sống thu nhập bình quân và phúc lợi cho người lao động được cải thiện, nâng lên rõ rệt.

Đánh giá các mặt về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

HĐQT thường xuyên thực hiện các hoạt động giám sát đối với TGD và Ban điều hành thông qua các báo cáo định kỳ; phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát để kiểm tra; đồng thời luôn bám sát tình hình hoạt động thực tế nhằm đưa ra các quyết sách, ban hành các Nghị quyết, Quyết định để chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành Công ty;

Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và các Nghị Quyết, Quyết định Hội đồng quản trị ban hành. Trong bối cảnh sự cạnh tranh ngày càng cao, Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty đã luôn nhiệt huyết, đoàn kết, đồng lòng, nỗ lực làm việc, nhanh nhạy linh hoạt nắm bắt tình hình, sáng tạo trong công tác lãnh đạo chỉ đạo góp phần hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, đảm bảo cao nhất lợi ích cho khách hàng, các cổ đông và người lao động;



Ban điều hành cũng thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư các dự án, tình hình tài chính của doanh nghiệp..., giúp HĐQT nắm bắt kịp thời tình hình của Công ty để chỉ đạo Công ty hoạt động hiệu quả theo kế hoạch đề ra;

Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao và ghi nhận những cố gắng, nỗ lực trong năm 2024 của Ban điều hành nói chung và Tổng Giám đốc nói riêng.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong giai đoạn tới dự báo thị trường hàng không khởi sắc. Tuy nhiên, dự báo hoạt động SXKD của Công ty trong năm tới vẫn còn có khó khăn do những bất ổn chính trị tại nhiều khu vực trên thế giới và mức độ cạnh tranh đối với lĩnh vực dịch vụ phi hàng không ngày càng tăng.... Từ những thực tế trên, các kế hoạch, định hướng của HĐQT thời gian tới:



- Triển khai và thực hiện các nội dung công việc thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó tập trung vào việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025;
- Tập trung chỉ đạo ban Giám đốc chuẩn bị tốt các nguồn lực đáp ứng nhu cầu phục vụ SXKD; Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh;
- Tiếp tục đổi mới bằng việc đẩy mạnh phát triển lĩnh vực kinh doanh, tối ưu hóa mọi nguồn lực đảm bảo luôn phải giữ vững, phát triển các dịch vụ kinh doanh cốt lõi của Công ty tại Nội Bài, đồng thời đón đầu các cơ hội chiếm lĩnh, phát triển dịch vụ tại Nhà ga T2 Nội Bài mở rộng, nhà ga T3 Tân Sơn Nhất, Sân bay quốc tế Long Thành, một số Sân bay trong nước và quốc tế nơi VNA có căn cứ;

- Cân chú trọng tăng cường công tác truyền thông quảng bá dịch vụ của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng, các nền tảng mạng xã hội; Triển khai thực hiện mạnh mẽ việc chuyển đổi số, áp dụng công nghệ thông tin 4.0, công nghệ AI vào công tác quản trị để nâng cao hiệu quả, hiệu lực, hiệu năng trong công tác quản lý, điều hành và kinh doanh dịch vụ;
- Rà soát, nâng cao năng lực trách nhiệm quản lý các cấp; Tăng cường công tác phối hợp giữa các đơn vị; Tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, cơ cấu lại lực lượng lao động nhằm nâng cao năng suất lao động đáp ứng theo yêu cầu thực tiễn;
- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng các kịch bản kinh doanh theo từng tháng sát với thực tiễn tình hình trong nước, quốc tế và của ngành; Đẩy mạnh công tác giám sát và điều hành thực hiện kế hoạch của các đơn vị trong Công ty;
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý để điều hành và quản lý Công ty; Tổ chức giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy chế, quy định, nội quy của Công ty.
- Xây dựng phương án huy động các nguồn vốn khác nhau (liên doanh, liên kết, hợp tác....) để đảm bảo đủ nguồn vốn thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm của Công ty.



F

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông
- Hoạt động của Ban lãnh đạo công ty



Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông

Thông tin cổ phiếu

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu công ty CP dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài
Loại cổ phiếu	cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	NAS
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng
Ngày bắt đầu niêm yết	25/1/2017
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	8,315,482 cp
Tổng số cổ phiếu quỹ	282 cp

Hoạt động của Ban lãnh đạo công ty

Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ghi chú
1	Ông Lê Đức Cảnh	Thành viên HĐQT không điều hành	
2	Ông Trần Việt Phương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
3	Bà Hà Thị Thu Nga	Thành viên HĐQT không điều hành	
4	Ông Nguyễn Phú Thanh	Thành viên HĐQT không điều hành	Từ nhiệm từ ngày 6/6/2024
5	Ông Nguyễn Sỹ Thành	Thành viên HĐQT không điều hành	Được bầu làm thành viên HĐQT từ ngày 6/6/2024
5	Ông Vũ Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT không điều hành	

Thay đổi thành viên HĐQT

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Sỹ Thành làm Thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 06/06/2024, đồng thời, miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Công ty đối với ông Nguyễn Phú Thanh.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị: HĐQT hoạt động theo quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2024, hoạt động của HĐQT tập trung vào:

- + Định hướng và hoạt động của HĐQT trong năm 2024;
- + Theo dõi tình hình hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo của Ban điều hành;
- + Chỉ đạo, định hướng cho Ban điều hành các hoạt động của Công ty;
- + Thẩm định, phê duyệt các đề xuất phương án kinh doanh của Ban điều hành;
- + Hoạt động của HĐQT được thể hiện qua các cuộc họp, các chỉ đạo thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định, phê duyệt các Tờ trình;
- + Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo Ban điều hành về các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra các chủ trương quyết sách phù hợp cho từng giai đoạn phát triển của Công ty, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Đức Cảnh	3	75%	Lý do cá nhân
2	Ông Trần Việt Phương	4	100%	
3	Bà Hà Thị Thu Nga	3	75%	Lý do cá nhân
4	Ông Nguyễn Phú Thanh	1	25%	Miễn nhiệm từ ngày 06/06/2024
5	Ông Nguyễn Sỹ Thành	3	75%	Bổ nhiệm từ ngày 06/06/2024
5	Ông Vũ Ngọc Sơn	4	100%	



Giữa các kỳ họp của HĐQT, để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản lý, Công ty đã tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của HĐQT bằng văn bản. Các hồ sơ tổ chức lấy ý kiến biểu quyết này được thực hiện theo đúng thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đúng Quy chế hoạt động của HĐQT và dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát Công ty (các hồ sơ lấy ý kiến HĐQT đều được gửi cho tất cả các thành viên Ban Kiểm soát theo đúng thể thức, nội dung và thời hạn như đối với các thành viên HĐQT). Tổng số hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản trong năm 2024 là 18 hồ sơ.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2024:

Số TT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	06/NQ-NASCO/HĐQT	06-02-2025	Nghị quyết xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2023	100%
2	11/NQ-NASCO/HĐQT	16-02-2025	Nghị quyết thông qua các chỉ tiêu kế hoạch định hướng năm 2024 giao cho Nhóm NĐD tại Nasco logistics	100%
3	14/NQ-NASCO/HĐQT	15-03-2025	Nghị quyết thông qua nhân sự tạm giao điều hành các hoạt động của Công ty CP giao nhận hàng hóa NASCO	100%
4	17/NQ-NASCO/HĐQT	01-04-2025	Nghị quyết triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, thành lập các Ban để tổ chức và điều hành đại hội	100%
5	24/NQ-NASCO/HĐQT	28-03-2025	Nghị quyết thông qua các nội dung phiên họp thứ Nhất năm 2024 của HĐQT	100%
6	35/NQ-NASCO/HĐQT	08-05-2025	Nghị quyết về việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
7	40/NQ-NASCO/HĐQT	05-06-2025	Nghị quyết về các nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
8	48/NQ-NASCO/ĐHĐCĐ	06-06-2025	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
9	50/NQ-NASCO/HĐQT	10-06-2025	Nghị quyết về các nội dung họp ĐHĐCĐ năm 2024 của VSSI	100%
10	53/NQ-NASCO/HĐQT	13-06-2025	Nghị quyết về việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
11	63/NQ-NASCO/HĐQT	01-07-2025	Nghị quyết về bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Công ty	100%
12	69/NQ-NASCO/HĐQT	18-07-2025	Nghị quyết về công tác cán bộ và các nội dung họp ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024 của Nasco logistics (phiên họp thứ 3)	100%
13	80/NQ-NASCO/HĐQT	31-07-2025	Nghị quyết thông qua việc ký kết và thực hiện hợp đồng với Công ty NCTS	100%
14	84/NQ-NASCO/HĐQT	19-08-2025	Nghị quyết thông qua Điều chỉnh dự án đầu tư xe sàn thấp chở khách trong sân đỗ máy bay	100%
15	89/NQ-NASCO/HĐQT	14-10-2025	Nghị quyết về thay đổi nhân sự giữ chức Trưởng Ban Thư ký	100%
16	98/NQ-NASCO/HĐQT	15-11-2025	Nghị quyết thông qua chủ trương đầu tư Danh mục đầu tư thay thế hệ thống điều hòa phòng C – Nhà ga T1	100%
17	100/NQ-NASCO/HĐQT	14-11-2025	Nghị quyết phê duyệt Phương án kinh doanh dịch vụ Phòng C tại CHK Phú Cát	100%
18	105/NQ-NASCO/HĐQT	12-12-2025	Nghị quyết thông qua việc xác định quỹ tiền lương và các khoản chi có tính chất phúc lợi năm 2024	100%
19	116/NQ-NASCO/HĐQT	29-11-2025	Nghị quyết về công tác cán bộ tại Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ hàng không Việt Nam	100%
20	121/NQ-NASCO/HĐQT	01-12-2025	Nghị quyết về công tác cán bộ tại Công ty cổ phần giao nhận hàng hóa NASCO	100%

Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2022
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban và được bầu lại từ 6/6/2024	0%
2	Ông Nguyễn Trường Thi	Thành viên và được miễn nhiệm từ 6/6/2024	0%
3	Lê Hoàng Chính	Thành viên và được bầu lại từ 6/6/2024	0%
4	Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	Thành viên	1.848 cổ phần chiếm 0,02%



Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	43	100%	100%	
2	Ông Nguyễn Trường Thi	13	25%	25%	Miễn nhiệm từ ngày 06/06/2024
3	Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	43	100%	100%	
4	Ông Lê Hoàng Chính	3	75%	75%	Bổ nhiệm từ ngày 06/06/2024

Đánh giá của Ban kiểm soát về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

- + Công ty luôn chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế, quy định nội bộ về quản trị Công ty. Luôn chủ động theo dõi, cập nhật các quy định mới do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, các cơ quan Pháp luật khác để có những sự thay đổi hợp lý trong chính sách hoạt động của Công ty;
- + Bên cạnh đó, HĐQT cũng thường xuyên theo dõi các chương trình tập huấn do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, SGD chứng khoán Hà Nội tổ chức để nâng cao công tác quản trị. Đội ngũ nhân sự phụ trách quản trị của Công ty có nhiệm vụ tập trung hỗ trợ HĐQT trong việc thực thi nghiêm túc, không xảy ra sai phạm các quy định về quản trị Công ty;
- + HĐQT thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung các Quy chế, Quy định nội bộ đáp ứng nhu cầu về quản trị Công ty và phục vụ hoạt động SXKD hiệu quả.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã triển khai các hoạt động theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS đã được ĐHĐCĐ ban hành

- Giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, tình hình thực hiện tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.
- Thông qua nội dung báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty;
- Thông qua nội dung báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2024;
- Thông qua các nội dung báo cáo soát xét tờ trình của NĐD tại các công ty có vốn góp của NASCO trình HĐQT thông qua, biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2024 của các Công ty CP đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt nam (VSSI) và Công ty CP giao nhận hàng hoá NASCO Logistics;
- Thông qua nội dung báo cáo kết quả kiểm tra tình hình quản lý kho hàng hoá vật tư phụ tùng tại Trung tâm dịch vụ vận tải Ô tô hàng không thuộc Công ty;
- Chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp với Ban điều hành trong quá trình triển khai kiểm tra, giám sát;
- Việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty thuận lợi do được Ban điều hành đã ưu tiên và tạo điều kiện thực hiện.



G

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Những tác động liên quan đến môi trường
- Những tác động liên quan đến cộng đồng



Những tác động liên quan đến môi trường

Tình hình sử dụng nguyên vật liệu, nhiên liệu

Tiêu thụ năng lượng

Công ty sử dụng điện năng cho quá trình hoạt động kinh doanh với mức hơn 112 nghìn KW/năm chủ yếu cho hoạt động tại trụ sở Công ty, phục vụ tại các điểm kinh doanh tại nhà Ga T1, T2 và một số vị trí khác. Tại các địa điểm kinh doanh và văn phòng của Công ty đều được sử dụng các bóng đèn và trang thiết bị tiết kiệm điện theo tiêu chuẩn, điều hòa nhiệt độ đáp ứng tiêu chuẩn về phát thải khí nhà kính hiện nay và thực hiện thay mới khi các thiết bị hết hạn sử dụng. Do đó, mức độ ảnh hưởng đến môi trường và xã hội rất thấp. Do Công ty có hoạt động dịch vụ vận chuyển hành khách, do đó nhu cầu sử dụng xăng, dầu của Công ty là khá lớn. Công ty luôn đảm bảo tiêu chuẩn khí thải tại các phương tiện vận tải mà Công ty sử dụng để vận chuyển khách, thường xuyên bảo dưỡng, kiểm định các phương tiện nhằm tối thiểu ảnh hưởng của khí thải đến môi trường, các phương tiện mua mới đều đạt được các quy định về khí thải theo tiêu chuẩn quốc tế.

Tiêu thụ nước

Công ty luôn thực hành tiết kiệm trong việc sử dụng, tiêu thụ nguồn nước cũng như tiêu hao nguồn năng lượng nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường. Hệ thống điều hoà, quạt làm mát và hệ thống chiếu sáng luôn đảm bảo điều kiện, các thiết bị điện, ngắt điện các vật dụng không cần thiết nhằm thực hành tiết kiệm. Nước dùng cho các hoạt động tại Trụ sở Công ty, các phòng khách hạng thương gia và cửa hàng ăn uống giải khát tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài khoảng 29,7 nghìn m³. Nước thải được xử lý theo quy định, không thải ra môi trường khi chưa được xử lý. Việc cung cấp nước uống cho cán bộ, người lao động được Công ty quan tâm và chú trọng. Cán bộ, người lao động luôn có ý thức tiết kiệm nguồn nước sinh hoạt và nước uống. Vì vậy, mức độ ảnh hưởng đến môi trường và xã hội rất thấp.

Bảo vệ môi trường, cải thiện cảnh quan môi trường làm việc

- Công ty luôn quan tâm và thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và đội ngũ người lao động trong toàn Công ty thực hiện có hiệu quả và đảm bảo tốt về công tác môi trường, cũng như chấp hành nghiêm túc các quy định về hoạt động môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện làm việc trong môi trường tốt đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Hàng năm xây dựng Kế hoạch bảo vệ môi trường, Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại Công ty; Thực hiện báo cáo đầy đủ về công tác bảo vệ môi trường, tham dự họp, Hội thảo liên quan đến công tác Môi trường do Cảng hàng không; Cục hàng không tổ chức;
- Tổ chức và đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động, giáo dục các bộ phận, người lao động nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường tại nơi làm việc và nơi cư trú. Tổ chức vận động, tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công nhân viên trong Công ty nhận thức về Luật bảo vệ môi trường, lên án, phê phán những hành vi gây ô nhiễm môi trường, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường; đồng thời, thu gom rác thải, làm sạch khuôn viên, nạo vét, thông cống rãnh, phát quang bụi rậm và làm sạch hành lang, sân vườn khu Trụ sở và đường vào Trụ sở Công ty tính từ tháng 01/2024 đến 31/12/2024 đã thu gom được 9,5 tấn rác thải. Hạn chế sử dụng túi nilon, các loại bao bì không thân thiện với môi trường trong sản xuất kinh doanh. Các chỉ tiêu thực hiện về công tác bảo vệ môi trường Công ty đã triển khai và thực hiện một cách nghiêm túc, đúng quy định về công tác bảo vệ môi trường. Qua kết quả quan trắc môi trường không khí và môi trường nước, cũng như kết luận, đánh giá của các đoàn kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước, Công ty thực hiện nghiêm túc trong công tác bảo vệ môi trường nước cũng như môi trường không khí theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường;

Những tác động liên quan đến cộng đồng

Chế độ chính sách cho người lao động của Công ty tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật và hướng tới mục tiêu: Đảm bảo công ăn việc làm ổn định; Cải thiện, tăng thu nhập cho người lao động; Luôn chú trọng và quan tâm tới đời sống vật chất và tinh thần của toàn thể người lao động để người lao động yên tâm công tác, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

Thời giờ làm việc cụ thể:

Giờ hành chính: Áp dụng đối với người lao động làm các công việc gián tiếp (từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần) - Sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 45 phút; - Chiều từ 13 giờ đến 16 giờ - Giờ ca, kíp: Áp dụng đối với người lao động làm việc ở các bộ phận trực tiếp kinh doanh, hỗ trợ phục vụ theo chế độ ca làm việc theo ngày tùy theo đặc điểm, tính chất và yêu cầu công việc cụ thể - Đối với những người làm các công việc đặc thù thì không áp dụng thời gian quy định trên đây: Lái xe, tạp vụ, bảo vệ, nhân viên giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không, thủ kho, nhân viên mua hàng,... thì thời gian làm việc được thực hiện theo sự phân công của cán bộ quản lý trực tiếp trên cơ sở định mức lao động đã được người sử dụng quyết định. - Người lao động có thai từ tháng thứ 7 hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi không phải làm ca đêm hoặc đi công tác xa khỏi đơn vị từ 02 ngày trở lên với bán kính trên 50km.

Điều kiện lao động:

- Những người lao động do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và được thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật. - Cơ sở vật chất hiện có của Công ty tiện nghi, hiện đại, môi trường tích cực, sôi nổi.

Phúc lợi

- Công ty thực hiện đầy đủ các quy định và tuân thủ về chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động, duy trì gói bảo hiểm chăm sóc sức khỏe tự nguyện cho người lao động, thực hiện khám sức khỏe, khám bệnh nghề nghiệp định kỳ hàng năm cho người lao động, đo môi trường làm việc tại các vị trí lao động; người lao động làm việc tại các vị trí có yếu tố môi trường độc hại đều được hưởng chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật; tổ chức các chương trình phúc lợi cho người lao động như du xuân, chương trình nghỉ mát...tổ chức thực hiện công tác hiếu hỷ, thăm hỏi ốm đau với người lao động và thân nhân người lao động chu đáo có ý nghĩa; gặp gỡ động viên người lao động có hoàn cảnh khó khăn, trao tặng phần thưởng cho con cán bộ nhân viên đạt thành tích cao trong học tập; tổ chức các hoạt động ngày Tết Thiếu nhi, Trung thu...;
- Năm 2024 tình hình SXKD của Công ty đã được cải thiện do thị trường Hàng không quốc tế tăng trưởng mạnh. Mặc dù thị trường nội địa có sự chững lại, chi phí mặt bằng kinh doanh tăng mạnh so với đơn giá trước đây, tuy nhiên Công ty đã chủ động, tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp tăng doanh thu ngoài VNA, tiết giảm các chi phí đảm bảo hoàn thành vượt mức doanh thu và lợi nhuận trước thuế so với kế hoạch năm 2024 và nâng cao thu nhập cho người lao động;
- Trong năm Công ty cũng đẩy mạnh công tác đào tạo, đào tạo lại để nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn cho người lao động

H

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đức Cảnh	Chủ tịch	
Ông Trần Việt Phương	Thành viên	
Bà Hà Thị Thu Nga	Thành viên	
Ông Vũ Ngọc Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Phú Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 06/06/2024
Ông Nguyễn Sỹ Thành	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 06/06/2024

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban	Tái bổ nhiệm từ ngày 06/06/2024
Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	Thành viên	
Ông Nguyễn Trường Thi	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 06/06/2024
Ông Lê Hoàng Chính	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 06/06/2024

Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách Kế toán

Ông Trần Việt Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Thanh Bình	Phó Tổng giám đốc	
Ông Võ Đức Hiếu	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm từ ngày 29/07/2024
Bà Đỗ Thị Thu Hiền	Phụ trách Kế toán	Bổ nhiệm từ ngày 29/07/2024

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2024 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Việt Phương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 17/02/2025, từ trang 05 đến trang 43 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2025

Phạm Thị Thảo
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2465-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31/12/2024

Mẫu số B01 – DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		165.413.960.572	142.808.536.395
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	44.819.101.585	42.454.674.570
Tiền	111		36.819.101.585	42.454.674.570
Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		22.738.231.506	12.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	22.738.231.506	12.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.034.115.992	54.027.156.934
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	51.256.571.945	46.821.892.029
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	6.831.273.148	4.928.998.799
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	3.237.644.198	3.122.961.320
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(1.291.373.299)	(846.695.214)
Hàng tồn kho	140	8	36.818.582.599	32.706.285.651
Hàng tồn kho	141		36.818.582.599	32.706.285.651
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.003.928.890	720.419.240
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	885.125.596	517.139.802
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	118.803.294	203.279.438
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.156.797.013	151.227.050.846
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.346.215.598	1.312.846.078
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	1.895.654.945	2.015.745.888
Phải thu dài hạn khác	216	9	1.483.737.095	1.451.100.382
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(2.033.176.442)	(2.154.000.192)
Tài sản cố định	220		110.509.572.244	127.971.209.901
Tài sản cố định hữu hình	221	11	109.568.506.450	126.394.334.377
- Nguyên giá	222		316.414.187.617	315.090.160.643
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(206.845.681.167)	(188.695.826.266)
Tài sản cố định vô hình	227	12	941.065.794	1.576.875.524
- Nguyên giá	228		11.489.491.276	11.293.991.276
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.548.425.482)	(9.717.115.752)
Bất động sản đầu tư	230	13	10.004.432.717	10.731.561.629
- Nguyên giá	231		14.143.740.334	14.143.740.334
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.139.307.617)	(3.412.178.705)
Tài sản dở dang dài hạn	240		450.180.000	450.180.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		450.180.000	450.180.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	6.744.518.776	6.892.949.637
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		49.828.776	198.259.637
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		96.694.690.000	96.694.690.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	254		(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		3.101.877.678	3.868.303.601
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.101.877.678	3.868.303.601
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		297.570.757.585	294.035.587.241

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		190.028.421.410	223.833.881.858
Nợ ngắn hạn	310		155.075.871.338	167.683.173.481
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	54.160.588.457	51.083.965.688
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		531.431.395	51.495.193
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.137.730.428	1.600.492.330
Phải trả người lao động	314		25.507.700.129	21.792.706.521
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.834.650.385	3.268.572.108
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	29.039.106.255	25.995.568.546
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	40.686.059.394	63.422.082.820
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		178.604.895	468.290.275
Nợ dài hạn	330		34.952.550.072	56.150.708.377
Phải trả dài hạn khác	337	18	7.827.860.343	6.674.650.883
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	19.962.459.516	40.516.698.777
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		7.162.230.213	8.959.358.717
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		107.542.336.175	70.201.705.383
Vốn chủ sở hữu	410	20	107.542.336.175	70.201.705.383
Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.157.640.000	83.157.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.157.640.000	83.157.640.000
Cổ phiếu quỹ	415		(2.820.000)	(2.820.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		38.553.684.206	38.553.684.206
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.969.213.452	3.969.213.452
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(43.302.454.573)	(71.181.732.480)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(71.181.732.480)	(83.763.036.882)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		27.879.277.907	12.581.304.402
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		25.167.073.090	15.705.720.205
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		297.570.757.585	294.035.587.241

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu



Ngô Thị Thúy Nga

Phụ trách kế toán



Đỗ Thị Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Trần Việt Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B02 – DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	525.202.941.576	481.836.551.252
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	304.320.218	287.607.197
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		524.898.621.358	481.548.944.055
Giá vốn hàng bán	11	24	242.864.429.916	232.721.294.455
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		282.034.191.442	248.827.649.600
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	27.413.481.589	15.326.869.952
Chi phí tài chính	22	26	6.018.732.921	11.846.478.081
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.110.869.106</i>	<i>11.611.622.566</i>
(Lỗ)/Lãi đầu tư Công ty liên doanh, liên kết	24		(148.430.861)	(42.905.710)
Chi phí bán hàng	25	27	202.802.950.331	179.252.731.405
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	64.918.013.470	60.333.156.315
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.559.545.448	12.679.248.041
Thu nhập khác	31		267.636.908	295.600.172
Chi phí khác	32		283.680.068	56.914.223
Lợi nhuận khác	40		(16.043.160)	238.685.949
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.543.502.288	12.917.933.990
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.797.128.504)	(69.925.935)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.340.630.792	12.987.859.925
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		27.879.277.907	12.581.304.402
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9.461.352.885	406.555.523
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3.353	1.513
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	3.353	1.513

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Ngô Thị Thúy Nga

Phụ trách kế toán

Đỗ Thị Thu Hiền

Tổng Giám đốc

Trần Việt Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B03 – DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		35.543.502.288	12.917.933.990
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		20.168.176.420	21.726.034.041
Các khoản dự phòng	03		323.854.335	906.099.518
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		845.546.610	207.981.043
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(26.890.764.574)	(15.371.181.657)
Chi phí lãi vay	06		5.110.869.106	11.611.622.566
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.101.184.185	31.998.489.501
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(5.961.724.574)	19.505.173.834
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(4.112.296.948)	(9.603.995.541)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.933.111.191	24.012.355.955
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12		398.440.129	994.092.535
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.145.962.660)	(11.611.622.566)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	164.559.263
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(289.685.380)	(1.315.021.306)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.923.065.943	54.144.031.675
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.423.836.777)	(1.041.177.197)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	131.040.909
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.838.231.506)	(1.800.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		27.039.195.435	9.648.661.292
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.777.127.152	6.938.525.004

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		50.014.582.507	144.918.577.137
Tiền trả nợ gốc vay	34		(93.304.845.194)	(182.287.204.151)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(96.007.675)	(2.453.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(43.386.270.362)	(37.371.080.864)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	42.454.674.570	18.805.184.118
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		50.504.282	(61.985.363)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	44.819.101.585	42.454.674.570

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu



Ngô Thị Thúy Nga

Phụ trách kế toán



Đỗ Thị Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Trần Việt Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B09 – DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài, tên viết tắt là NASCO (sau đây gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài, doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam. Công ty Dịch vụ Hàng không Nội Bài được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài theo Quyết định số 3978/QG-BGTVT ngày 21/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Từ khi chuyển đổi, Công ty đã thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 12 lần, lần gần đây nhất vào ngày 05/05/2023.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 12 ngày 05/05/2023, Công ty có vốn điều lệ là 83.157.640.000 VND, tương đương 8.315.764 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, trong đó, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP sở hữu 51%.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên sàn UPCOM theo Quyết định số 36/QĐ-SGDHN ngày 16/01/20217 của Sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài;
- Mã chứng khoán: NAS;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng);
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 8.315.764 cổ phiếu (Tám triệu ba trăm mười lăm nghìn bảy trăm sáu mươi tư cổ phiếu);
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 83.157.640.000 đồng (Tám mươi ba tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Sản xuất kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết bao gồm: Vận chuyển hành khách, hàng hóa trong sân đỗ máy bay; Dịch vụ vận tải mặt đất; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa; Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế; Dịch vụ làm thủ tục hàng không tại thành phố; Kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập cảnh; Dịch vụ lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại hàng không;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết bao gồm: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết bao gồm: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết là vận tải hành khách bằng taxi;
- Bốc xếp hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất này là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con				
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	50,88%	49,12%	49,12%
Công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	36,00%	16%	16%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại TP Hồ Chí Minh.

1.7 NHÂN VIÊN

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty mẹ và Công ty con có 724 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 721 nhân viên).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

2.3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập tuân thủ theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty do Công ty kiểm soát (Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Số dư, các khoản thu nhập và chi phí giữa công ty mẹ và công ty con, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Danh sách Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính bao gồm:

TT	Tên công ty con	Vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn thực góp	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	117.500.000.000	51,00%	49,12%	49,12%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

Công ty trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác căn cứ vào lỗ trên Báo cáo tài chính của đơn vị được đầu tư, trường hợp đơn vị được đầu tư có công ty con, căn cứ trích lập là Báo cáo tài chính hợp nhất. Việc bổ sung/hoàn nhập dự phòng trích lập trong năm được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho là nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh đối với hàng kinh doanh miễn thuế và bình quân gia quyền tháng đối với hàng tồn kho khác và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn tùy theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ trong 2-3 năm;
- Tiền thuê đất, thuê Tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Chi phí trả trước khác phân bổ theo thời hạn trên từng thời hạn Hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
TSCĐ khác	04 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Phần mềm bán hàng và phần mềm kế toán được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và trích khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (từ 4 - 5 năm).

3.10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản (BDS) đầu tư được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BDS đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra để có được BDS đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới BDS đầu tư được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá BDS đầu tư; Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao BDS đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm. Thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 5 đến 25 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.12 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ tại ngày 31/12/2024.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty quyết định hoặc thông báo trả cổ tức cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 GHI NHẬN DOANH THU VÀ THU NHẬP

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp các giao dịch về cung cấp dịch vụ lên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ.

3.17 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng tài sản dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quyết định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong kỳ được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.21 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty có các bộ phận quản lý theo lĩnh vực kinh doanh.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	274.939.165	262.133.157
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.544.162.420	42.192.541.413
Các khoản tương đương tiền (*)	8.000.000.000	-
	44.819.101.585	42.454.674.570

(*): Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 1,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)				
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	6.638.231.506	-	2.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-	2.900.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.900.000.000	-	8.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	5.200.000.000	-	-	-
	22.738.231.506	-	12.900.000.000	-

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 – 12 tháng tại các Ngân hàng TMCP, lãi suất từ 2,6% - 10,5%/năm.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	70.614.589
+ Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	-	70.614.589
Trả trước cho bên thứ ba	6.831.273.148	4.858.384.210
+ SUTL Corporation Pte Ltd	1.821.681.705	702.503.340
+ Skyline Corporation Limited	740.299.343	-
+ Alliance (Indochina) Pte Ltd	634.275.980	671.737.698
+ Các đối tượng khác	3.635.016.120	3.484.143.172
	6.831.273.148	4.928.998.799

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	51.256.571.945	46.821.892.029
<i>Trong đó, Phải thu từ các bên liên quan</i>	<i>20.956.885.749</i>	<i>21.397.661.570</i>
+ Trung tâm Khai thác Nội Bài - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	18.542.209.843	17.664.627.727
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	210.295.852	1.817.440.939
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài (VIAGS)	1.041.784.635	651.458.408
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	423.696.897	232.597.091
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam	13.542.086	52.501.528
+ Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	461.094.634	452.919.509
+ Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - CTCP khu vực miền Bắc	55.312.261	23.403.127
+ Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	208.949.541	502.713.241
Phải thu ngắn hạn của bên thứ ba	30.299.686.196	25.424.230.459
+ Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện	2.078.869.459	3.266.227.317
+ Công ty TNHH Hanaro TNS Việt Nam	1.472.683.156	2.187.471.450
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2.514.725.932	2.053.632.064
+ Công ty TNHH Dịch vụ Trâu Ngon	1.323.390.427	1.423.390.427
+ Công ty TNHH Thương Mại & Giao Nhận Vận Tải Đại Sơn	1.199.929.011	1.448.480.716
+ Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	-	3.189.501.831
+ Các khách hàng khác	21.710.088.211	11.855.526.654
Phải thu dài hạn của khách hàng (*)	1.895.654.945	2.015.745.888
+ Công ty Cổ phần Hàng không Indochina	570.716.000	570.716.000
+ Các khách hàng khác	1.324.938.945	1.445.029.888
Cộng	53.152.226.890	48.837.637.917

(*) Các khoản phải thu dài hạn đã được Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi tỷ lệ 100%.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.204.403.352	-	1.377.332.721	-
Công cụ, dụng cụ	439.638.564	-	268.459.044	-
Hàng hóa	34.852.222.979	-	30.654.701.975	-
Hàng gửi bán	322.317.704	-	405.791.911	-
	36.818.582.599	-	32.706.285.651	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Phải thu bên liên quan	203.702.132	-	228.315.609	-
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	3.702.132	-	88.315.609	-
- Ký quỹ tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	200.000.000	-	140.000.000	-
Phải thu bên thứ ba	3.033.942.066	-	2.894.645.711	-
- Tạm ứng	988.197.056	-	219.237.613	-
- Ký cược, ký quỹ	769.100.000	-	673.300.000	-
- Phải thu khác	1.276.645.010	-	2.002.108.098	-
Cộng	3.237.644.198	-	3.122.961.320	-
Dài hạn				
Phải thu bên thứ ba	1.483.737.095	(137.521.497)	1.451.100.382	(138.254.304)
- Ký cược, ký quỹ	1.346.215.598	-	1.312.846.078	-
- Phải thu khác	137.521.497	(137.521.497)	138.254.304	(138.254.304)
Cộng	1.483.737.095	(137.521.497)	1.451.100.382	(138.254.304)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	885.125.596	517.139.802
- Chi phí thuê văn phòng	376.354.162	238.742.687
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	182.711.899	74.999.995
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	326.059.535	203.397.120
Dài hạn	3.101.877.678	3.868.303.601
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.023.403.150	1.534.159.627
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.078.474.528	2.334.143.974
Cộng	3.987.003.274	4.385.443.403

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2024	121.378.220.163	20.426.007.100	151.912.189.337	2.786.539.182	18.587.204.861	315.090.160.643
- Mua trong năm	-	1.145.235.973	-	456.942.262	-	1.602.178.235
- Đầu tư XD CB hoàn thành	372.115.178	-	-	-	-	372.115.178
- Giảm khác	(519.669.635)	-	-	-	(130.596.804)	(650.266.439)
31/12/2024	121.230.665.706	21.571.243.073	151.912.189.337	3.243.481.444	18.456.608.057	316.414.187.617
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2024	(71.262.460.503)	(16.009.901.304)	(89.737.277.243)	(1.972.457.477)	(9.713.729.740)	(188.695.826.266)
- Khấu hao trong năm	(4.609.178.063)	(1.423.004.114)	(11.187.739.744)	(185.924.146)	(1.203.891.711)	(18.609.737.778)
- Giảm khác	367.521.932	-	-	-	92.360.945	459.882.877
31/12/2024	(75.504.116.634)	(17.432.905.418)	(100.925.016.987)	(2.158.381.623)	(10.825.260.506)	(206.845.681.167)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2024	50.115.759.660	4.416.105.796	62.174.912.094	814.081.705	8.873.475.121	126.394.334.377
31/12/2024	45.726.549.072	4.138.337.655	50.987.172.350	1.085.099.821	7.631.347.551	109.568.506.450

Tại ngày 31/12/2024, Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 70.411.158.183 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 69.415.072.189 đồng).

Tại ngày 31/12/2024, Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 55.368.363.955 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 74.934.361.692 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	11.293.991.276	11.293.991.276
- Đầu tư nâng cấp phần mềm	195.500.000	195.500.000
31/12/2024	<u>11.489.491.276</u>	<u>11.489.491.276</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2024	(9.717.115.752)	(9.717.115.752)
- Khấu hao trong năm	(831.309.730)	(831.309.730)
31/12/2024	<u>(10.548.425.482)</u>	<u>(10.548.425.482)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	<u>1.576.875.524</u>	<u>1.576.875.524</u>
31/12/2024	<u>941.065.794</u>	<u>941.065.794</u>

Tại ngày 31/12/2024, Nguyên giá của Tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 6.760.148.786 VND (tại ngày 31/12/2023 là 6.437.138.232 VND).

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà - Trụ sở công ty Khu Briefing <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	14.143.740.334	14.143.740.334
31/12/2024	<u>14.143.740.334</u>	<u>14.143.740.334</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2024	(3.412.178.705)	(3.412.178.705)
- Khấu hao trong năm	(727.128.912)	(727.128.912)
31/12/2024	<u>(4.139.307.617)</u>	<u>(4.139.307.617)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	<u>10.731.561.629</u>	<u>10.731.561.629</u>
31/12/2024	<u>10.004.432.717</u>	<u>10.004.432.717</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị thuần theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị thuần theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam (1)	1.280.000.000	49.828.776	1.280.000.000	198.259.637
	1.280.000.000	49.828.776	1.280.000.000	198.259.637

(1) Công ty đầu tư vào Công ty liên kết chiếm tỷ lệ quyền biểu quyết 36% tương đương với số tiền: 3.780.000.000 VND (trong đó cam kết góp vốn bằng tài sản là 1.280.000.000 VND và tài sản khác (thương hiệu) là 2.500.000.000 VND) tỷ lệ vốn thực góp tại 31/12/2024 là 16%.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (1)	90.000.000.000	(90.000.000.000)		90.000.000.000	(90.000.000.000)	
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài (NCTS) (2)	6.694.690.000	-	210.544.819.200	6.694.690.000	-	161.198.641.800
	96.694.690.000	(90.000.000.000)		96.694.690.000	(90.000.000.000)	

(1) Đây là khoản đầu tư góp vốn của Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco vào Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh chiếm tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 15%. Theo Giấy chứng nhận phân vốn góp số 04/2019/GCN-CRTC ngày 10/10/2019, tổng số cổ phần của Công ty tại Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh là 11.250.000 cổ phần, tương ứng giá trị theo mệnh giá là 112.500.000.000 đồng.

(2) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (1.827.649 CP tương ứng 7% cổ phần) được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này tại sàn HOSE tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả bên liên quan	430.444.983	430.444.983	676.334.894	676.934.894
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	294.734.760	294.734.760	381.775.591	381.775.591
+ Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	16.944.552	16.944.552	23.452.362	23.452.362
+ Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	97.523.274	97.523.274	260.288.595	260.288.595
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	7.062.957	7.062.957	11.418.346	11.418.346
+ Công ty TNHH MTV DV Mặt đất sân bay Việt Nam - CN Nội Bài	14.179.440	14.179.440	-	-
Phải trả người bán bên thứ ba	53.730.143.474	53.730.143.474	50.407.030.794	50.407.030.794
+ Công ty TNHH Giải pháp TNG	1.276.164.701	1.276.164.701	2.290.284.732	2.290.284.732
+ Công ty TNHH DFS Việt Nam	11.416.951.330	11.416.951.330	18.960.391.763	18.960.391.763
+ Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài- Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	999.780.088	999.780.088	10.893.680.278	10.893.680.278
+ Công ty TNHH Dịch vụ Ẩn uống Ba Sao	7.210.699.603	7.210.699.603	6.829.937.162	6.829.937.162
+ Thomhills Pte.Ltd	12.098.069.914	12.098.069.914	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng CTA Việt Nam	1.940.051.291	1.940.051.291	-	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ DEKS AIR Việt Nam	1.920.974.400	1.920.974.400	-	-
+ Phải trả cho các đối tượng khác	16.867.452.147	16.867.452.147	11.432.736.859	11.432.736.859
	54.160.588.457	54.160.588.457	51.083.965.688	51.083.965.688

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp	1.600.492.330	39.882.719.313	40.345.481.215	1.137.730.428
- Thuế giá trị gia tăng	1.600.492.330	37.455.172.468	37.967.034.019	1.088.660.779
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.755.043.563	1.705.973.914	49.069.649
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	583.151.209	583.151.209	-
- Các loại thuế khác	-	89.352.073	89.352.073	-
	01/01/2024	Số phải	Số đã thực thu/	31/12/2024
	VND	thu/được khấu	khấu trừ	VND
		trừ trong năm	trong năm	
		VND	VND	
Thuế và các khoản phải thu	203.279.438	9.369.459	93.845.603	118.803.294
- Thuế thu nhập cá nhân	203.279.438	9.369.459	93.845.603	118.803.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí đào tạo	-	65.000.000
- Chi phí trang phục bảo hộ lao động	-	79.285.850
- Chi phí suất ăn phục vụ khách	341.224.964	-
- Chi phí vận chuyển, bốc dỡ	1.434.381.714	929.430.882
- Chi phí hoa hồng môi giới	617.377.415	574.423.386
- Chi phí chăm sóc khách hàng	240.000.000	-
- Thù lao hội đồng quản trị, BKS	144.300.000	221.460.000
- Các khoản chi có tính chất phúc lợi	217.723.363	-
- Chi phí khác	839.642.929	1.398.971.990
	3.834.650.385	3.268.572.108

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	29.039.106.255	25.995.568.546
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.104.106.045	1.200.113.720
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	87.525.000	432.024.000
- Kinh phí công đoàn	231.380.672	527.294.980
- Các khoản bảo hiểm xã hội	113.462.432	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Nam Phương (*)	14.558.175.346	14.556.149.478
- Công ty TNHH Miễn Thuế Thăng Diệp Ngọc (**)	7.368.267.166	4.104.199.722
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ trang trí GEE (***)	2.189.940.161	2.189.940.161
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.418.000.000	1.488.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.968.249.433	1.497.846.485
Dài hạn	7.827.860.343	6.674.650.883
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	7.827.860.343	6.674.650.883
	36.866.966.598	32.670.219.429

(*) Các khoản phải trả khác của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Nam Phương theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh bán hàng miễn thuế số 27/NASCO-NAMPHUONG/2022 ngày 13/07/2022 với Công ty mẹ về việc hợp tác bán hàng miễn thuế tại nhà ga T2 - Sân bay Quốc tế Nội Bài các mặt hàng miễn thuế phù hợp đúng đối tượng khách hàng không bị cấm theo quy định pháp luật.

(**) Các khoản phải trả khác của Công ty TNHH Miễn thuế Thăng Diệp Ngọc theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh bán hàng miễn thuế số 19/NASCO-TDN/2021 ngày 15/10/2021 về việc hợp tác bán hàng miễn thuế tại nhà ga T2 - Sân bay Quốc tế Nội Bài các mặt hàng miễn thuế phù hợp đúng đối tượng khách hàng không bị cấm theo quy định pháp luật.

(***) Các khoản phải trả khác của Công ty Cổ phần CP Thương mại và Dịch vụ trang trí GEE theo Hợp đồng số 2204/HĐ/NASCO-GEE-TECH ngày 22/04/2022 với Công ty mẹ về việc đầu tư mới 02 phòng khách hạng thương gia nội địa mới tại nhà ga T1 (Phòng A+Phòng B) cảng Hàng không quốc tế Nội Bài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	63.422.082.820	63.422.082.820	70.568.821.768	93.304.845.194	40.686.059.394	40.686.059.394
<i>Vay ngắn hạn</i>	38.948.121.072	38.948.121.072	50.014.582.507	68.082.209.491	20.880.494.088	20.880.494.088
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	8.087.898.573	8.087.898.573	4.816.112.187	8.087.898.573	4.816.112.187	4.816.112.187
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Đông Anh (ii)	4.778.131.956	4.778.131.956	5.088.434.895	8.527.662.853	1.338.903.998	1.338.903.998
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)	26.082.090.543	26.082.090.543	40.110.035.425	51.466.648.065	14.725.477.903	14.725.477.903
Vay dài hạn đến hạn trả	24.473.961.748	24.473.961.748	20.554.239.261	25.222.635.703	19.805.565.306	19.805.565.306
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iv)	3.600.000.000	3.600.000.000	4.400.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (v)	4.269.985.748	4.269.985.748	3.862.479.868	4.381.564.464	3.750.901.152	3.750.901.152
Ngân hàng TMCP Quân đội (vi)	16.603.976.000	16.603.976.000	12.291.759.393	16.841.071.239	12.054.664.154	12.054.664.154
Vay dài hạn	40.516.698.777	40.516.698.777	-	20.554.239.261	19.962.459.516	19.962.459.516
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iv)	12.376.000.000	12.376.000.000	-	4.400.000.000	7.976.000.000	7.976.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (v)	6.143.512.587	6.143.512.587	-	3.862.479.868	2.281.032.719	2.281.032.719
Ngân hàng TMCP Quân đội (vi)	21.997.186.190	21.997.186.190	-	12.291.759.393	9.705.426.797	9.705.426.797
Cộng	103.938.781.597	103.938.781.597	70.568.821.768	113.859.084.455	60.648.518.910	60.648.518.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (i) Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cung cấp tín dụng số HĐ số 97/24/HM/VCBCD-Nasco ngày 04/09/2024 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức vay là 35.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 01 năm, thời gian ân hạn là 6 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng cung cấp tín dụng số 18/2024-HĐCVHM/NHCT144 - NASCO ngày 14/06/2024 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạn mức vay là 20.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 01 năm, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng cung cấp tín dụng số HĐ số 01/2024/6167727/HĐTD ngày 09/04/2024 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bảo lãnh, mở L/C. Hạn mức vay là 45.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 01 năm, thời gian ân hạn là 6 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ.
- (iv) Khoản vay dài hạn (bao gồm vay đến hạn trả) với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cung cấp tín dụng số 01/20/TDHNCB.CD - NASCO được ký ngày 09/9/2020 nhằm thanh toán các chi phí của dự án Đầu tư 03 xe ô tô sản thấp mới 100% chở khách hạng thương gia (C-VIP) trong sân đỗ máy bay của Công ty. Hạn mức vay là 24.223.000.000 VND. Thời hạn của các khoản vay là 83 tháng, thời gian ân hạn là 06 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là 03 xe khách sân đỗ hiệu YUTONG, nguyên giá là 26.940.000.000 VND.
- (v) Các khoản vay dài hạn (bao gồm vay đến hạn trả) với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo các hợp đồng:
 - Hợp đồng cho vay dự án đầu tư 56/2018-HĐCVDADT/NHCT144-NASCO được ký ngày 08/11/2018 nhằm mục đích thanh toán các khoản chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Đầu tư 02 xe ô tô sản thấp mới 100% chở khách trong sân đỗ máy bay thay thế 02 xe sản thấp hết niên hạn sử dụng của Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài. Hạn mức tín dụng là 20.150.590.000 VND. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 09 tháng. Lãi suất cho vay quy định tại từng giấy nhận nợ;
 - Hợp đồng tín dụng số 10/2022-HĐCVDADT/NHCT144-NASCO được ký ngày 09/06/2022 nhằm thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp Dự án đầu tư mới 02 phòng khách hạng thương gia nội địa mới tại nhà ga T1 (phòng A + phòng B). Hạn mức tín dụng là 8.918.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 06 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.
- (vi) Các khoản vay dài hạn (bao gồm vay đến hạn trả) với Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng:
 - Hợp đồng vay số 58541.19.002.1265566.TD của Ngân hàng TMCP Quân đội ngày 30/12/2019 nhằm thanh toán 90% tiền mua 04 xe sản thấp mới 100% phục vụ vận chuyển hành khách hạng thương gia (C-VIP) trong sân đỗ tàu bay. Số tiền vay là 32.328.000.000 VND. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 06 tháng. Lãi suất quy định tại từng nhận nợ (8,5%/năm). Tài sản thế chấp là 04 xe sản thấp phục vụ trong sân đỗ sân bay, tổng nguyên giá là 33.112.732.799 VND;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

20.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	83.157.640.000	(2.820.000)	38.553.684.206	3.969.213.452	(83.763.036.882)	15.299.164.682	57.213.845.458
- Lãi trong năm	-	-	-	-	12.581.304.402	406.555.523	12.987.859.925
31/12/2023	83.157.640.000	(2.820.000)	38.553.684.206	3.969.213.452	(71.181.732.480)	15.705.720.205	70.201.705.383
01/01/2024	83.157.640.000	(2.820.000)	38.553.684.206	3.969.213.452	(71.181.732.480)	15.705.720.205	70.201.705.383
- Lãi trong năm	-	-	-	-	27.879.277.907	9.461.352.885	37.340.630.792
31/12/2024	83.157.640.000	(2.820.000)	38.553.684.206	3.969.213.452	(43.302.454.573)	25.167.073.090	107.542.336.175

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2024		01/01/2024	
	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	42.411.600.000	51,00%	42.411.600.000	51,00%
Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Âu Châu	9.003.760.000	10,83%	-	0,00%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Taesco	6.826.800.000	8,21%	6.826.800.000	8,21%
Ông Đỗ Hữu Nghĩa	-	0,00%	9.003.760.000	10,83%
Các cổ đông khác	24.915.480.000	29,96%	24.915.480.000	29,96%
	83.157.640.000	100,00%	83.157.640.000	100,00%

Tại ngày 31/12/2024, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần.

20.3 Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.315.764	8.315.764
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.315.764	8.315.764
+ Cổ phiếu phổ thông	8.315.764	8.315.764
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	282	282
+ Cổ phiếu phổ thông	282	282
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.315.482	8.315.482
+ Cổ phiếu phổ thông	8.315.482	8.315.482
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2024	01/01/2024
- Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	5.436.401	5.436.401
- Ngoại tệ các loại (USD)	21.711,46	29.952,39
- Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	633.087.400	633.087.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Doanh thu dịch vụ vận chuyển, giao nhận	163.141.094.038	168.305.717.024
- Doanh thu bán hàng miễn thuế	56.984.137.833	36.774.489.023
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.084.110.400	62.953.935.887
- Doanh thu dịch vụ nhà hàng, ăn uống	253.993.599.305	213.802.409.318
	525.202.941.576	481.836.551.252
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	<i>215.772.063.549</i>	<i>196.456.839.169</i>

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chiết khấu thương mại	304.320.218	287.607.197
	304.320.218	287.607.197

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn dịch vụ vận chuyển	108.214.005.784	116.414.303.877
- Giá vốn bán hàng miễn thuế	51.833.722.327	32.400.510.212
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.362.997.182	26.163.129.846
- Giá vốn dịch vụ nhà hàng, ăn uống	70.453.704.623	57.743.350.520
	242.864.429.916	232.721.294.455

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	1.029.195.435	669.801.458
- Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	26.010.000.000	14.613.245.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	374.286.154	43.823.494
	27.413.481.589	15.326.869.952

(*) Năm 2024, Công ty Cổ phần Giao nhận hàng hóa Nasco (Công ty con của Công ty) ghi nhận 16.875.000.000 đồng cổ tức được chia của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 12/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2020 khi thu được thực tế bằng tiền (theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2024 ngày 23/04/2024 của Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh về việc thanh toán nợ phải trả các Cổ đông năm 2019).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	5.110.869.106	11.611.622.566
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	62.317.205	26.874.472
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	845.546.610	207.981.043
	6.018.732.921	11.846.478.081

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nhân viên bán hàng	61.098.645.901	52.422.840.588
- Chi phí vật liệu	3.496.442.006	4.019.388.193
- Chi phí dụng cụ đồ dùng	3.528.206.404	2.461.042.796
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.438.995.214	15.838.189.683
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.868.374.466	85.711.144.847
- Chi phí khác bằng tiền	24.372.286.340	18.800.125.298
	202.802.950.331	179.252.731.405

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	33.913.179.651	29.231.882.060
- Chi phí vật liệu văn phòng	156.643.708	207.573.498
- Chi công cụ, dụng cụ	1.082.482.933	603.669.796
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.002.894.137	3.766.231.198
- Dự phòng phải thu khó đòi	63.854.335	771.099.518
- Thuế và các khoản lệ phí	1.631.129.486	2.311.509.852
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.752.901.861	9.281.953.137
- Chi phí khác bằng tiền	13.314.927.359	14.159.237.256
	64.918.013.470	60.333.156.315

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành của công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành của công ty con	-	-
	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nhân công	135.162.408.377	119.998.635.900
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	81.765.752.340	75.123.075.538
- Chi công cụ, dụng cụ	4.723.933.996	3.260.668.319
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.168.176.420	21.726.034.041
- Thuế, phí và lệ phí	1.798.100.044	2.464.808.927
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.099.591.528	179.451.575.212
- Chi phí bằng tiền khác	44.736.827.655	37.110.774.508
- Chi phí dự phòng	63.854.335	771.099.518
	453.518.644.695	439.906.671.963

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	27.879.277.907	12.581.304.402
Lợi nhuận/(Lỗ) bỏ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	VND	27.879.277.907	12.581.304.402
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	Cổ phiếu	8.315.482	8.315.482
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	3.353	1.513

Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

33.1 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Doanh thu dịch vụ vận chuyển, giao nhận	Doanh thu bán hàng miễn thuế	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Doanh thu dịch vụ nhà hàng, ăn uống	Đơn vị tính: VND
					Cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH					
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	162.836.773.820	56.984.137.833	51.084.110.400	253.993.599.305	524.898.621.358
- Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	65.292.113.147	56.984.137.833	39.385.463.512	253.993.599.305	415.655.313.797
- Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	97.544.660.673	-	11.698.646.888	-	109.243.307.561
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ nội bộ	172.093.831	-	184.680.000	-	356.773.831
3. Giá vốn hàng bán	108.214.005.784	51.833.722.327	12.362.997.182	70.453.704.623	242.864.429.916
4. Khấu hao và Chi phí phân bổ	7.722.159.649	2.702.341.735	2.422.546.497	12.045.062.535	24.892.110.416
5. Lợi nhuận gộp	54.622.768.036	5.150.415.506	38.721.113.218	183.539.894.682	282.034.191.442
6. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					37.340.630.792
TÀI SẢN					
7. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					1.974.293.413
Tổng tài sản					297.570.757.585
NỢ PHẢI TRẢ					
Tổng nợ phải trả					190.028.421.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

33.2 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Doanh thu dịch vụ vận chuyển, giao nhận	Doanh thu bán hàng miễn thuế	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Doanh thu dịch vụ nhà hàng, ăn uống	Cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH					
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	168.018.109.827	36.774.489.023	62.953.935.887	213.802.409.318	481.548.944.055
- Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	60.737.278.364	36.774.489.023	36.722.041.558	213.802.409.318	348.036.218.263
- Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	107.280.831.463	-	26.231.894.329	-	133.512.725.792
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ nội bộ	108.847.245	-	184.680.000	-	293.527.245
3. Giá vốn hàng bán	116.414.303.877	32.400.510.212	26.163.129.846	57.743.350.520	232.721.294.455
4. Khấu hao và Chi phí phân bổ	8.718.155.347	1.908.161.617	3.266.565.689	11.093.819.707	24.986.702.360
5. Lợi nhuận gộp	51.603.805.950	4.373.978.811	36.790.806.041	156.059.058.798	248.827.649.600
6. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	12.987.859.925
TÀI SẢN					
7. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	136.711.818	866.773.212	1.003.485.030
Tổng tài sản					294.035.587.241
NỢ PHẢI TRẢ					
Tổng nợ phải trả					223.833.881.858

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

34.1 Các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm khai thác Nội Bài	Công ty mẹ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Khu vực Miền Bắc	Công ty mẹ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không (VASCO)	Công ty mẹ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm Bông Sen Vàng	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (Skypec)	Công ty cùng Tập đoàn
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (Skypec) Khu vực miền Bắc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam (VIAGS)	Công ty cùng Tập đoàn
Báo Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ hàng không Việt Nam	Công ty liên kết
Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc	

34.2 Giao dịch với các bên liên quan

Bán hàng, dịch vụ cho bên liên quan

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Trung tâm khai thác Nội Bài	186.369.683.887	168.833.905.001
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	12.236.266.481	13.470.141.632
- Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - VP Khu vực miền Bắc	305.140.550	304.457.926
- Công ty TNHH Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam (VIAGS) - CN Nội Bài	8.359.012.248	6.787.318.728
- Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	2.712.338.405	2.558.733.837
- Công ty Bay Dịch vụ Hàng không	-	105.007.884
- Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	2.794.979.808	2.610.470.616
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	2.617.412.401	1.274.887.123
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (Skypec) Khu vực miền Bắc	377.229.768	420.808.422
- Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	-	91.108.000
	215.772.063.549	196.456.839.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

Mua hàng hóa, dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	1.488.951.279	1.570.272.081
- Văn phòng Tổng Công ty Hàng không	231.455.556	229.351.414
- Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - Khu vực miền Bắc	14.068.957.729	24.948.187.797
- Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - Khu vực miền Trung	2.327.640.799	3.586.015.860
- Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - Khu vực miền Nam	15.281.983.519	22.278.390.658
- Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	205.369.775	510.337.958
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	1.574.006.062	2.308.543.649
- Công ty TNHH Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam (VIAGS) - CN Nội Bài	178.926.800	123.139.200
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam - CN Đà Nẵng	125.922.922	119.336.335
	35.483.214.442	55.673.574.952

Cổ tức và lợi nhuận được chia

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	9.135.000.000	14.613.245.000
- Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh	16.875.000.000	-
	26.010.000.000	14.613.245.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			
Họ và tên	Chức danh		
Ông Trần Việt Phương	Tổng Giám đốc	797.264.342	539.181.211
Ông Phan Thanh Bình	Phó Tổng giám đốc	612.472.786	491.666.637
Ông Võ Đức Hiếu	Kế toán trưởng	353.504.946	466.486.813
		1.763.242.074	1.497.334.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát			
Họ và tên	Chức danh		
Ông Lê Đức Cảnh	Chủ tịch HĐQT	146.124.000	129.600.000
Ông Trần Việt Phương	Thành viên HĐQT	113.496.000	100.800.000
Bà Hà Thị Thu Nga	Thành viên HĐQT	113.496.000	100.800.000
Ông Vũ Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT	113.496.000	100.800.000
Ông Nguyễn Phú Thanh	Thành viên HĐQT	47.290.000	100.800.000
Ông Nguyễn Sỹ Thành	Thành viên HĐQT	66.206.000	-
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban kiểm soát	405.900.000	343.584.000
Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	Thành viên BKS	58.452.000	85.680.000
Ông Lê Hoàng Chính	Thành viên BKS	34.097.000	-
Ông Nguyễn Trường Thi	Thành viên BKS	24.355.000	85.680.000
		1.122.912.000	1.047.744.000

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 7 "Phải thu khách hàng"
- Thuyết minh số 9 "Phải thu khác"
- Thuyết minh số 14 "Đầu tư tài chính dài hạn"
- Thuyết minh số 15 "Phải trả người bán ngắn hạn"
- Thuyết minh số 18 "Phải trả khác"

35. THÔNG TIN KHÁC

35.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

35.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

